

# khám phá đất nước Ucraina



*Kiev, tháng 10 năm 2008*

*Cùng bạn đọc*



Ucraina là một trong những quốc gia rộng nhất Châu Âu, nằm ở trung tâm Đông Âu. Ucraina là một thị trường then chốt giao thương giữa Châu Âu và Châu Á, giữa các nước Scandinavia với khu vực Địa Trung Hải.

Với trên 46 triệu dân, tổng thu nhập quốc dân khoảng 106 tỷ USD/năm, tập trung trong lĩnh vực công nghiệp nặng, năng lượng, vận chuyển dầu và khí, khai thác than và khoáng sản, tinh chế dầu, hoá chất, nông nghiệp và chế biến thực phẩm... Ucraina có tiềm năng phát triển kinh tế rất lớn và là một thị trường đầy hứa hẹn.

Việt Nam và Ucraina có quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống lâu đời. Ngay sau khi Ucraina tuyên bố độc lập năm 1991, hai nhà nước đã thiết lập các cơ sở pháp lý, tiếp tục phát triển quan hệ truyền thống từ thời Liên Bang Xô Viết. Đến nay, hai nước đã ký kết 32 văn bản hợp tác; trao đổi các cuộc viếng thăm cấp Nguyên thủ Quốc gia, cũng như nhiều đoàn lãnh đạo cấp cao của hai nhà nước. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ucraina đang theo xu hướng tăng trưởng mạnh. Triển vọng năm 2008 kim ngạch thương mại hai chiều đạt trên 300 triệu USD (mức cao nhất từ trước đến nay). Tuy nhiên quan hệ kinh tế, thương mại đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Các doanh nhân Việt Nam còn đang bỏ trống thị trường đầy tiềm năng này.

Nhằm giúp cho các độc giả tìm hiểu về đất nước, con người, kinh tế, văn hóa Ucraina, Đại sứ quán Việt Nam tại Ucraina và cơ quan Thương vụ cho ra đời cuốn sách "Khám phá đất nước Ucraina" bằng tiếng Việt

Lần xuất bản đầu tiên này chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Mong bạn đọc thứ lỗi.

Xin chân thành cảm ơn./.

***Kiev, tháng 10 năm 2008***

***Đại sứ***

***Nguyễn Văn Thành***

## **Mục lục**

	<b>Lời giới thiệu</b>
<b>I</b>	<b>Những thông tin cơ bản về Ucraina</b>
1	Thông tin chung
2	Địa lý
3	Khí hậu
4	Tài nguyên
5	Dân số
<b>II</b>	<b>Lịch sử Ucraina</b>
1	Thời kỳ hình thành quốc gia Ucraina
2	Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết Ucraina
3	Quốc gia Ucraina độc lập
<b>III</b>	<b>Thế chế Nhà nước và cơ cấu tổ chức hành chính Ucraina</b>
1	Hiến pháp Ucraina
2	Hệ thống Chính quyền
3	Quan hệ và chính sách đối ngoại của Ucraina:
<b>IV</b>	<b>Kinh tế, thương mại và đầu tư</b>
1	Tổng quan
2	Các ngành kinh tế chủ yếu
a	<i>Công nghiệp</i>
b	<i>Nông nghiệp</i>
c	<i>Ngoại thương</i>
d	<i>Du lịch</i>
<b>VI</b>	<b>Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Ucraina</b>
1	Quan hệ chính trị:
2	Các văn bản được ký kết giữa hai Chính phủ
3	Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế thương mại:
4	Tình hình thị trường một số mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam - Ucraina
5	Hợp tác trong lĩnh vực đầu tư:
6	Hợp tác trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ:
7	Hợp tác trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật:
8	Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo
	<b>Phụ lục ( các địa chỉ cần thiết)</b>



## **I. NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ UCRAINA**

## 1. Thông tin chung:

Tên chính thức:	Ucraina
Ngày Độc lập:	24 tháng 8 năm 1991
Diện tích:	603.700 km <sup>2</sup>
Dân số:	46.229.862 (theo thống kê tháng 7/2007)
Thủ đô:	Kiev
Ngôn ngữ chính thức:	Tiếng Ucraina. Tiếng Nga được sử dụng rộng rãi.
Đồng tiền:	Grivna (Mã chữ đồng Griv– UAH, Mã số – 980)
Tôn giáo:	Đạo chính thống Cơ đốc giáo.
Mã điện thoại quốc tế:	380
Múi giờ:	GMT+2 (UTC+2)
Điện thế:	220 V, 50 Hz/AC

Các ngày lễ của Ucraina	Năm mới: ngày 01 tháng 01
	Lễ Giáng sinh: ngày 7 tháng 1
	Ngày Quốc tế Phụ nữ: ngày 8 tháng 3
	Lễ Phục sinh: theo lịch Thiên chúa giáo
	Ngày Quốc tế Lao động: ngày 01, 02 tháng 5
	Ngày Chiến thắng: 9 tháng 5
	Ngày Thánh Ba ngôi: ngày chủ nhật giữa tháng 6
	Ngày Hiến pháp: 28 tháng 6
	Ngày Độc lập: 24 tháng 8



Noel ở Khresatick - phố trung tâm

## 2. Địa lý:



Ucraina là quốc gia nằm ở trung tâm Đông Âu, nơi giao nhau của các tuyến đường giao thông giữa Châu Âu và Châu Á, giữa các nước Scandinavia với khu vực Địa Trung Hải.

Ucraina có diện tích bằng khoảng 5,7% diện tích Châu Âu và 0,44% diện tích thế giới. Khoảng cách từ Bắc đến Nam Ucraina là 893 km, từ Tây sang Đông – 1316 km.

Ucraina có đường biên giới quốc gia 4.558km, giáp với 7 quốc gia và 2 biển.

<b>Đông - Bắc, Đông, Đông - Nam</b>	giáp Nga ( 1576 km biên giới bộ và 500 km biên giới biển)
<b>Bắc</b>	giáp Belarus ( 891 km)
<b>Tây - Bắc</b>	giáp Ba Lan ( 428 km)
<b>Tây</b>	giáp Hungary ( 103 km), Slovakia ( 90 km)
<b>Tây - Nam</b>	giáp Moldova ( 939 km), Rumania ( 169 km)
<b>Nam</b>	giáp biển Đen và biển Azov



Phần lớn lãnh thổ Ucraina nằm ở vùng đồng bằng Tây - Nam Đông Âu. Chỉ có 5% diện tích là đồi núi: Carpat ở phía Tây và vùng núi Crum ở phía Nam. Đỉnh núi cao nhất tại Carpat là núi Goverla (2061m), điểm cao nhất tại vùng núi Crum là núi Roman-Kosh (1545m).

Ucraina có 73 nghìn sông ngòi với chiều dài hơn 248 nghìn km và hơn 20 nghìn hồ. Sông chính là Dnhepr đứng thứ 3 Châu Âu về chiều dài và diện tích Châu thổ.

### 3. Khí hậu:

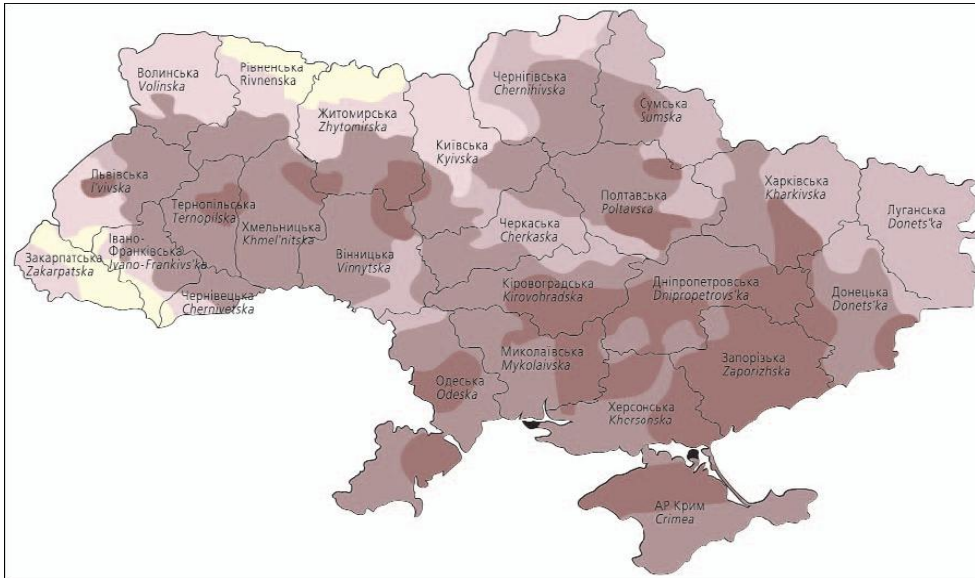


Ngoài vùng Crum với khí hậu á nhiệt đới riêng biệt của vùng Địa Trung Hải, Ucraina chủ yếu có khí hậu lục địa - ôn hòa, nhiệt độ trung bình mùa đông từ  $-10^{\circ}\text{C}$  đến  $-8^{\circ}\text{C}$ , mùa hè từ  $18^{\circ}\text{C}$  đến  $25^{\circ}\text{C}$ . Thời lượng chiếu sáng của mặt trời từ 1700 giờ ở miền Bắc đến hơn 2400 giờ ở miền Nam. Với khí hậu ôn hòa, bờ biển dài và đẹp, vùng ven Biển Đen và Biển Azov từ lâu đã nổi tiếng về các khu nghỉ mát. Điều kiện thời tiết - khí hậu thuận lợi đã có ảnh hưởng tốt đến phát triển kinh tế, du lịch của Ucraina và cho phép sử dụng các nguồn năng lượng sinh thái sạch như gió và mặt trời.

### 4. Tài nguyên:

Ucraina có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Hơn 2/3 diện tích là vùng đất đen màu mỡ chứa 6% đất mùn trên bề mặt, chiếm 1/4 trữ lượng đất đen thế giới. Hiến pháp năm 1996 quy định đất đai là tài sản quốc gia, thuộc sở hữu của Nhà nước.





Ucraina sở hữu tới 5% trữ lượng khoáng sản của thế giới. Công nghiệp khai thác than nằm chủ yếu ở vùng Donbas. Tổng diện tích các mỏ than đá là 60 nghìn km<sup>2</sup> với trữ lượng khoảng 109 tỷ tấn. Dầu mỏ và khí đốt tập trung ở vùng Pridnheprov-Donhesk. Nguồn dầu mỏ đáp ứng được 10-15% nhu cầu và nguồn khí đốt đảm bảo được 25% nhu cầu trong nước. Quặng sắt có ở các tỉnh: Krivoirov khoảng 18,7 tỷ tấn, Kremenrur khoảng 4,5 tỷ tấn, Belozor khoảng 2,5 tỷ tấn, Kerchen khoảng 1,8 tỷ tấn. Các mỏ mangan lớn nhất thế giới nằm ở vùng Nikopolsky. Ngoài ra còn có các mỏ niken, crôm, titan, thủy ngân, hỗn hợp kim loại tương đối lớn.

Ucraina cũng chiếm vị trí hàng đầu ở Châu Âu và trên thế giới về số lượng các mỏ quặng phi khoáng, trong đó đáng kể nhất là ozokerit, lưu huỳnh và graphit.

Động vật sống trên lãnh thổ Ucraina hết sức đa dạng với trên 45 nghìn loài. Thực vật có trên 30.000 loài, trong đó hơn 400 loài được ghi trong sách đỏ. Một phần ba (1/3) diện tích Ucraina được phủ xanh. Rừng chiếm 14% lãnh thổ. Gần một phần hai (1/2) trữ lượng gỗ là loài cây lá kim. Rừng ở đây rất giàu các loài cây ăn quả, nhiều loại nấm, quả cây hoang dại cũng như nhiều loài cây làm thuốc (khoảng 250 loài). Ucraina có 11 khu vườn quốc gia thiên nhiên, 4 khu bảo tồn sinh thái và 16 khu bảo tồn thiên nhiên.

## 5. Dân số:

Với trên 46 triệu dân, Ucraina đứng thứ 5 Châu Âu và thứ 21 thế giới, và cũng như các nước Châu Âu khác, có mật độ dân số khá cao khoảng 80 người/ km<sup>2</sup>. Từ khi trở thành quốc gia độc lập, dân số Ucraina luôn giảm.

Ucraina là đất nước đô thị hóa cao với 67,2% dân số sống ở thành thị và 32,8% dân số ở vùng nông thôn. Số lượng các đô thị đang tăng nhanh, hiện nay có 454 thành phố.

Số lượng người trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 70 tuổi) năm 2006 là 22,3 triệu, trong đó 20,9 triệu người (93,7%) có việc làm, 1,4 triệu người (6,3%) người thất nghiệp. Lực lượng lao động nhìn chung được đào tạo tốt, có tay nghề cao. Tổng số người thuộc diện trợ cấp xã hội 14,25 triệu người (29% dân số)



## II Lịch sử Ucraina

### 1. Thời kỳ hình thành quốc gia Ucraina:

Ucraina là một quốc gia có lịch sử lâu đời. Con người đầu tiên xuất hiện trên lãnh thổ Ucraina cách đây hơn 300 nghìn năm. Một trong những nền văn hóa cổ đại nhất là nền văn hóa Triponskai. Khoảng 1500 năm trước công nguyên, dòng dân du mục đã xuất hiện ở Ucraina, trong đó có người Kim. Tới thế kỷ VII trước công nguyên người Skif từ vùng Trung Á đã thay chỗ của người Kim và thành lập Nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Ucraina.

Vào thế kỷ thứ III sau công nguyên, người Goth di cư tới và thành lập nhà nước thứ hai tại Ucraina, sau thất bại năm 375 sau công nguyên trước người Huns thì bị đẩy sang phía Tây. Người Huns sau đó bị thua người La mã cũng tan rã, quyền bá chủ lãnh thổ nơi đây đã thuộc về các tộc người Slavor.



*Tượng đá mài dũa thô sơ, tượng trưng cho chúa trời của người Slavor cổ đại*



*Bức tượng nhỏ tượng người phụ nữ 3-4000 năm trước công nguyên*

Thế kỷ XI đất nước Ucraina xuất hiện và Nhà nước Kievskaya Rus lớn mạnh, không ngừng mở rộng lãnh thổ. Tất cả các dân tộc Đông Slavor và một số dân tộc không phải Slavor từ Bantích đến Biển Đen, từ sông Volga đến sông Tina đều đặt dưới tầm ảnh hưởng của Kievskaya Rus. Tên



“Ucraina” xuất hiện như một địa danh lần đầu tiên trong các biên niên sử đầu thế kỷ XII sau công nguyên.

*Bản đồ Kievskaya Rus thế kỷ XI-XII*



Vào thế kỷ XII – XIII do các cuộc nội chiến và sự xâm lược của quân Mông Cổ-Tacta, Nhà nước Nga cổ đại suy yếu và sụp đổ.

Tới thế kỷ XIII-XIV các quốc gia với các điều kiện kinh tế, văn hóa tương tự đã tập hợp thành quốc gia Galiskơ-Volunskoje.

Giữa thế kỷ XIV, quốc gia Galiskơ-Volunskoje bị suy yếu và bị các nước Litva, Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Moldova xâm chiếm.

### *Nhà lãnh đạo Zaporozhskaia Xech*



Từ cuối thế kỷ XV một tầng lớp xã hội mới- người Côtắc xuất hiện có ảnh hưởng lớn tại Ucraina. Vào giữa thế kỷ XVI người Côtắc thành lập tổ chức quân sự - chính trị của riêng mình - Zaporozhskaia Xech, có đặc điểm của một thể chế dân chủ đầu tiên tại Ucraina. Đứng đầu tổ chức là một Ghetman do Hội đồng Côtắc lựa chọn bầu ra trong số các thủ lĩnh. Hội đồng Côtắc được nhân dân bầu ra và có quyền điều hành các công việc chung. Trong suốt thời kỳ này người Côtắc đã tiến hành nhiều

cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của người Côtắc dưới sự lãnh đạo của Bordan Khmenisky chống lại Ba Lan đã giành độc lập cho Ucraina.

Thời kỳ tiếp theo Ucraina nằm trong thành phần của Nga theo thỏa ước ký kết giữa Khmenisky với Chính phủ Sa hoàng năm 1654. Năm 1764 với việc nữ hoàng Ekaterina II hủy bỏ chế độ Getman tại Ucraina, chế độ Zaporozhskaia Xech của người Côtắc đã chính thức bị xóa bỏ.



## 2. Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết Ucraina:

Sau Cách mạng Dân chủ tháng Hai, ngày 4/3/1917 tại Kiev đã thành lập Rada Trung ương (Quốc hội) đứng đầu là M. Grushevsky và Chính phủ lâm thời.



M. Grushevsky – Chủ tịch Quốc hội



Ngày 30/12/1922 Ucraina gia nhập Liên bang Xôviết

Năm 1937 Hiến pháp Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xôviết Ucraina được công bố.



Trong chiến tranh Thế giới thứ hai (1939 – 1945), Ucraina bị phát xít Đức chiếm đóng. Bằng cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, Hồng quân và nhân dân Xô viết đã giải phóng toàn bộ lãnh thổ Ucraina vào tháng 10/1944, miền Tây Ucraina được lấy lại. Bốn thành phố của Ucraina đã được phong danh hiệu anh hùng (Kiev, Odessa, Kerch, Sevastopol).



*Ngày lễ Chiến thắng*

Năm 1954, bán đảo Crim của Liên Bang Nga được sát nhập vào Ucraina và sau khi tuyên bố độc lập đã trở thành Cộng hòa tự trị của Ucraina.

#### **4. Quốc gia Ucraina độc lập:**

Sau khi Liên bang Xô viết sụp đổ, ngày 24/8/1991 Ucraina tuyên bố thành lập quốc gia độc lập. Tổng thống đầu tiên được bầu là ông L.Kravchuk.

##### *Cách mạng cam và khủng hoảng chính trị*

Bắt đầu từ ngày 22/11/2004, với lý do đưa ra là chính phủ đã gian lận trong cuộc bầu cử Tổng thống, phái đối lập tại Ucraina đã không công nhận kết quả kiểm phiếu và kêu gọi dân chúng biểu tình phản đối. Tại Kiev hàng trăm nghìn người dân với cờ, biểu ngữ, quần áo màu da cam đã biểu tình bao vây, phong tỏa các khu vực trọng yếu, đặc biệt là tại quảng trường Độc lập trong nhiều tuần lễ. Tình hình căng thẳng kéo dài tưởng đã trên bờ của nội chiến. Trước sức ép này, tòa án tối cao đã lệnh dừng việc công bố kết quả. Ngày 28/11 Quốc hội Ucraina tuyên bố kết quả bầu cử không hiệu lực. Ngày 26/12 đã tiến hành bỏ phiếu lại với kết quả thủ lĩnh phe đối lập Victor Yushchenko thắng cử và trở thành Tổng thống mới của Ucraina. Kể từ đó



liên minh “cách mạng Cam” lên nắm quyền và đã thay đổi cơ bản đường lối đối nội, đối ngoại của Ucraina.

Tuy nhiên Ucraina tới nay vẫn lâm vào khủng hoảng chính trị triền miên do các mâu thuẫn không hòa giải được giữa liên minh cầm quyền và phe đối lập cũng như giữa các phái trong “liên minh Cam”. Việc thay đổi chính phủ xảy ra hàng năm. Liên minh Cam hiện nay (9/2008) đã tan rã.



Biểu tình “Cách mạng Cam” tại Trung tâm Kiev

### III Thể chế nhà nước và cơ cấu tổ chức hành chính Ucraina

## 1. Hiến pháp Ucraina :



*Ghetman Pilip Orlic, tác giả Hiến pháp đầu tiên của Ucraina (1710)*



Pháp lệnh công bố Hiến pháp Ucraina ngày 28/6/1996.

Theo Hiến pháp Ucraina năm 1996, Ucraina là một nước Cộng hoà, bao gồm Cộng hoà tự trị Crum và 24 tỉnh. Cơ cấu hành chính được xây dựng trên nền tảng thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, tuân thủ cơ chế tập trung và phân chia quyền lực nhà nước, sự cân bằng phát triển kinh tế - xã hội giữa các khu vực có tính đến đặc điểm lịch sử, kinh tế, môi trường, địa lý, mật độ dân cư, thành phần sắc tộc và truyền thống văn hoá của từng vùng.

Ucraina là quốc gia có chủ quyền, độc lập, xã hội dân chủ và pháp quyền. Ngày 01/01/2006 Hiến pháp đã điều chỉnh lại quyền hạn của Tổng thống, Quốc hội và Chính phủ. Theo đó, thể chế chính trị Ucraina đã chuyển từ hình thức Tổng thống - Nghị viện sang Nghị viện - Tổng thống.

## 2. Hệ thống chính quyền:

Chính quyền Ucraina hoạt động theo nguyên tắc tam quyền phân lập (lập pháp, hành pháp và tư pháp). Người đứng đầu nhà nước Ucraina là Tổng thống. Cơ quan duy nhất thực hiện chức năng quyền lập pháp là Quốc hội (điều 75 Hiến pháp). Cơ quan tối cao trong hệ thống chính quyền hành pháp được Hiến pháp quy định là Hội đồng Bộ trưởng, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (thường gọi là Chính phủ và Thủ tướng). Trình tự tổ tụng được thực hiện tại Tòa án Hiến pháp và Tòa án các cấp (điều 124, 125 Hiến pháp).

### \*Tổng thống Ucraina

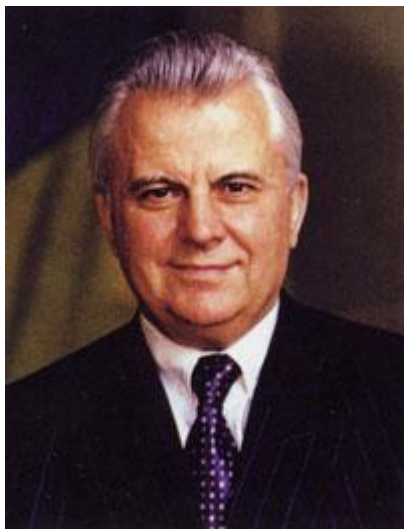
Tổng thống bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, cũng như quyền con người và tự do của công dân, nhân danh người đứng đầu Nhà nước trong chính sách đối ngoại, đại diện Ucraina trong các quan hệ quốc tế, tiến hành đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế, lãnh đạo toàn bộ các hoạt động chính trị - đối ngoại của Nhà nước. Tổng thống là Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang và lãnh đạo Hội đồng an ninh quốc gia và quốc phòng.



*Dinh Tổng thống trên phố Grusevsky*

Trình tự bầu Tổng thống được quy định tại điều 103 Hiến pháp Ucraina. Bầu cử thực hiện theo nguyên tắc bầu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và phiếu kín. Nhiệm kỳ Tổng thống là 5 năm và không quá hai nhiệm kỳ.

### **Các đời Tổng thống:**



*Leonid Kravchuk - Tổng thống đầu tiên của Ucraina từ ngày 5.12.1991 đến 19. 6.1994*



*Leonid Danhilovich Kuchma - Tổng thống thứ 2 của Ucraina từ ngày 19.6.1994 đến 23.1.2005*



*Vichtor Yushenko – Tổng thống thứ 3 của Ucraina từ 23.1.2005 đến nay*

### **\* Cơ quan lập pháp**



*Tòa nhà Quốc hội Ucraina*

Quốc hội là cơ quan lập pháp duy nhất của Ucraina. Quốc hội Ucraina gồm 450 đại biểu nhân dân, được bầu theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng theo danh đảng, với nhiệm kỳ là 5 năm.

Các Ủy ban trong Quốc hội soạn thảo các dự luật và đệ trình Quốc hội xem xét. Các văn bản luật đã được Quốc hội thông qua sẽ do Tổng thống ký ban hành. Tổng thống có quyền phủ quyết các dự luật này (ngoại trừ các luật điều chỉnh Hiến pháp) và chuyển cho Quốc hội xem xét lại.

### **\* Cơ quan hành pháp**

Hội đồng Bộ trưởng là cơ quan hành pháp cao nhất của Ucraina, với thành phần gồm Thủ tướng, Phó Thủ tướng thứ nhất, các Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng.

Trên cơ sở đề nghị của Liên minh đa số trong Quốc hội, Tổng thống giới thiệu ứng cử viên chức vụ Thủ tướng và đệ trình Quốc hội phê chuẩn. Thủ tướng lãnh đạo hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng, tổ chức thực hiện Chương trình hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng đã được Quốc hội thông qua.



*Tòa nhà Chính phủ Ucraina*

Hiện nay Ucraina có 21 bộ và 24 tỉnh thành. Theo hiến pháp, Tổng thống bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Thủ tướng bổ nhiệm Tỉnh trưởng và 19 Bộ ngành còn lại.



### **\* Cơ quan tư pháp**

Theo Hiến pháp hệ thống tòa án là cơ quan duy nhất tiến hành các hoạt động tư pháp. Tòa án Hiến pháp Ucraina là cơ quan tư pháp đặc biệt kiểm soát việc thực thi Hiến pháp.

Việc xét xử được thực hiện bởi các thẩm phán chuyên nghiệp, các hội thẩm nhân dân, các bồi thẩm và các trường hợp khác được pháp luật quy định.

*Tòa án Hiến pháp Ucraina*



*Phiên tòa tại Ucraina*

**\* Cộng hòa Tự trị Crum:** Theo Hiến pháp Ucrainam, Crum là nước Cộng hòa Tự trị, là một bộ phận không thể tách rời của Ucraina. Cộng hòa Tự trị Crum có hiến pháp tự do do Quốc hội Crum thông qua và Quốc hội Ucraina phê chuẩn. Cơ quan đại diện của Chính phủ là Hội đồng Bộ trưởng. Quyền lực, trình tự thành lập và hoạt động của Quốc hội và Chính phủ Cộng hòa Crum do hiến pháp Ucraina, luật pháp Ucraina và các văn bản pháp quy của Cộng hòa Crum quy định.

### **3. Quan hệ và chính sách đối ngoại của Ucraina**

Ucraina có quan hệ ngoại giao với khoảng 130 nước trên thế giới. Trọng tâm chính sách đối ngoại của thể chế hiện hành mặc dù còn nhiều tranh chấp trong nội bộ nhưng nhìn chung nghiêng về hội nhập Châu Âu, gia nhập NATO, cân bằng quan hệ giữa Châu Âu và Mỹ, đồng thời duy trì mối quan hệ với Nga. Mục tiêu của chính sách hội nhập Châu Âu là đưa Ucraina tiến gần tới các tiêu chuẩn của Châu Âu, tạo các điều kiện cần thiết để Ucraina gia nhập EU trong tương lai. Để bảo vệ các lợi ích an ninh, tham gia xây dựng sự ổn định và an ninh khu vực Châu Âu và từ đó dần dần hội nhập NATO, chính sách của Ucraina là hợp tác với NATO thông qua việc tham gia kế hoạch hành động để trở thành thành viên NATO.





Quan hệ song phương của Ucraina với các nước được xây dựng trên cơ sở cùng có lợi và chung quan điểm, đặc biệt là đối tác chiến lược với Mỹ, Eu và Ba Lan, cũng như quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, cố gắng giữ quan hệ tốt với Nga.

Thực hiện chính sách đối ngoại đa phương, Ucraina tham gia các tổ chức khu vực và thế giới. Ucraina là thành viên của Liên hiệp quốc, thành viên của tổ chức thương mại WTO, tham gia Tổ chức An ninh và hợp tác Châu Âu – OSCE...

Ngoài ra, đảm bảo các lợi ích chiến lược về kinh tế đối ngoại cũng là ưu tiên của chính sách đối ngoại của Ucraina, đặc biệt là mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Ucraina sang các thị trường truyền thống và thị trường mới ở Trung Đông, Mỹ La Tinh, Châu Á và Châu Phi.

Về quan hệ kinh tế đối ngoại, Ucraina thực hiện chính sách khuyến khích thương mại và đầu tư nước ngoài. Trao đổi thương mại chiếm tới 115% GDP của Ucraina.

Bảo hộ công dân và quyền lợi của cộng đồng người Ucraina ở nước ngoài luôn là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Ucraina.

## **IV.KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

## 1. Tổng quan:

Nền kinh tế Ucraina có ưu thế đặc biệt: Vị trí địa lý thuận lợi, đất đen phì nhiêu, nhiều tài nguyên thiên nhiên và người lao động có trình độ khoa học kỹ thuật cao. Đó là điều kiện quan trọng làm cho nền kinh tế Ucraina phát triển ở mức cao hơn so với những nước Cộng hòa khác thuộc Liên bang Xô viết cũ. Vào thời điểm tuyên bố độc lập, Ucraina có tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp tính theo đầu người cao nhất trong số các nước thuộc Liên Xô cũ và chiếm khoảng 5% sản phẩm công nghiệp của thế giới, trong đó đáng chú ý một số mặt hàng như gang, thép, than đá chiếm khoảng 1/10 sản lượng của thế giới.

Cơ cấu kinh tế những năm 80-90 của thế kỷ XX không cân đối, với tỷ trọng công nghiệp nặng và chế tạo máy chiếm phần lớn. Hơn 80% sản xuất công nghiệp không có quy trình đồng bộ. Hàng hóa tiêu dùng không đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Sau khi tuyên bố độc lập ngày 24/08/1991, Ucraina đã tiến hành cải cách và xây dựng nền kinh tế thị trường.

Kinh tế Ucraina bị tổn thất nặng nề trong thời kỳ đầu của giai đoạn chuyển đổi 1991-1994. Năm 1994, GDP giảm 59,6% so năm 1991. Toàn bộ hệ thống tài chính, tiền tệ bị tan vỡ. Vào năm 1993 siêu lạm phát đạt mức kỷ lục là 10256% và giá cả tăng hơn 100 lần.

Giai đoạn 1995-1998, để khắc phục khủng hoảng và làm chậm lại mức độ suy thoái kinh tế, Chính phủ đã thực hiện những biện pháp cải cách kinh tế cơ bản, thiết lập nền kinh tế thị trường, tổ chức và hoàn thiện hệ thống tài chính, hải quan, thị trường chứng khoán, tiến hành tư nhân hóa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường cạnh tranh, hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế. Nhờ đó, đã giảm được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và chấm dứt sụt giảm sản xuất. Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong các năm 1995-1998 tăng 5,8 lần. Tốc độ đầu tư hàng năm tăng 28%.

Giai đoạn 1999-2004 là thời kỳ ổn định sản xuất và phát triển kinh tế. Sau 10 năm kinh tế suy thoái, GDP đã tăng tới 33,1% vào năm 2000 – 2003 và 12,5 % trong năm 2004.

Từ năm 2005, cùng với quá trình đàm phán gia nhập WTO của Ucraina, nền kinh tế chuyển biến theo hướng hội nhập Châu Âu, tự do hóa và minh bạch hóa. Những hoạt động chủ yếu của chính quyền hướng đến việc củng cố nền kinh tế vĩ mô, đảm bảo ổn định tài chính và hấp dẫn đầu tư, phát triển các quá trình hội nhập theo chiều sâu, hình thành cơ chế sở hữu tư nhân, nâng cao sản lượng của các ngành cơ bản, chống tham nhũng, tăng cường tự do hóa và tính minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế ở tất cả các cấp. Cũng trong năm 2005, do tình hình giá cả thế giới đối với những

mặt hàng xuất khẩu của Ucraina không thuận lợi, mất ổn định chính trị trong nước và nhiều vấn đề xã hội buộc phải giải quyết, những chỉ số kinh tế vĩ mô đã sụt giảm đáng kể.

Ngày 5/2/2008, Ucraina đã được kết nạp làm thành viên thứ 152 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

### Những chỉ số kinh tế cơ bản:

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Tăng trưởng GDP (%)	9,2	5,2	9,4	12,1	2,4	7	7,3
Sản xuất công nghiệp (%)	14,2	7	15,8	12,5	3,1	6,2	10,2
Sản xuất nông nghiệp (%)	10,2	1,2	-11	19,1	0	0,4	
Chỉ số giá tiêu dùng (%)	6,1	-0,6	8,2	12,3	10,3	11,6	16,6
Chỉ số giá sản xuất (%)	0,9	5,7	11,2	24,1	9,5		
XK hàng hóa và dịch vụ (tỷ USD)	16	17	23	33	34	38	49
NK hàng hóa và dịch vụ (tỷ USD)	16	17	23	28	36	45	60
Dự trữ ngoại tệ (tỷ USD)	3,1	4,42	6,94	9,52	19,5	4,01	
Thâm hụt ngân sách /GDP (%)	-1,9	0,8	-0,2	-3,4	-2,5	1,42	
Tổng nợ Nhà nước /GDP (%)	36,3	34,3	29,45	24,7	20	15,2	

- ➔ Ucraina đứng thứ nhất thế giới về tài nguyên khoáng sản (45% sản lượng tài nguyên thế giới)
- ➔ Ucraina nằm vị trí thứ 6 thế giới về sản lượng sắt thép và công nghiệp khai khoáng mỏ
- ➔ 40% sản lượng quặng mangan thế giới nằm ở Ucraina
- ➔ 56% lãnh thổ Ucraina là đất nông nghiệp và 1/3 đất đen của thế giới nằm ở Ucraina
- ➔ Ucraina đứng vị trí thứ 5 thế giới về chứng chỉ công nghệ tin học



### **\* Các ngành kinh tế mũi nhọn của Ucraina**

- ➔ Luyện kim
- ➔ Công nghiệp khai khoáng mỏ
- ➔ Chế tạo máy móc
- ➔ Điện tử
- ➔ Nông nghiệp
- ➔ Chế biến thực phẩm
- ➔ Công nghệ hoá học và công nghiệp hoá dầu
- ➔ Công nghiệp hàng không



\* Tỷ suất lợi nhuận vốn đầu tư vào Ucraina bình quân từ năm 2000 đến năm 2007 tăng 7,5 %. Thu nhập bình quân năm 2000 là 700 USD đến năm 2006 là 1.950 USD. Mặc dù chế độ chính sách của Ucraina cải tiến chậm chạp, nhưng Ucraina là thị trường rất hấp dẫn với các nhà đầu tư có tầm nhìn chiến lược, đặc biệt trong vài năm tới.

### **\* Các ngành kinh tế có nhiều triển vọng để hợp tác**

- ➔ Chế tạo máy móc và ô tô
- ➔ Nông nghiệp và công nghiệp chế biến
- ➔ Tin học và công nghệ kỹ thuật cao
- ➔ Công nghiệp hàng không và sản xuất sửa chữa máy bay
- ➔ Máy phát điện



- ➡ Giao thông vận tải
- ➡ Truyền thông

### **\* Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Môi trường đầu tư tại Ucraina được tạo nên từ rất nhiều yếu tố, trong đó quan trọng nhất là niềm tin của các nhà đầu tư đối với các cơ quan chính quyền, độ ổn định và tính dự báo của tình hình kinh tế và chính trị, cải cách thị trường và sự minh bạch về kinh tế, hạ tầng kinh tế thị trường tương ứng và nền kinh tế phát triển.

Hiện nay, Ucraina đã và đang xây dựng hành lang pháp lý thống nhất cho đầu tư, như các luật “Về hoạt động đầu tư” và “Về chế độ đầu tư nước ngoài” đảm bảo cho tất cả các chủ thể đầu tư, không phụ thuộc vào hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh. Các hoạt động đầu tư được bảo đảm, bình đẳng và ổn định.

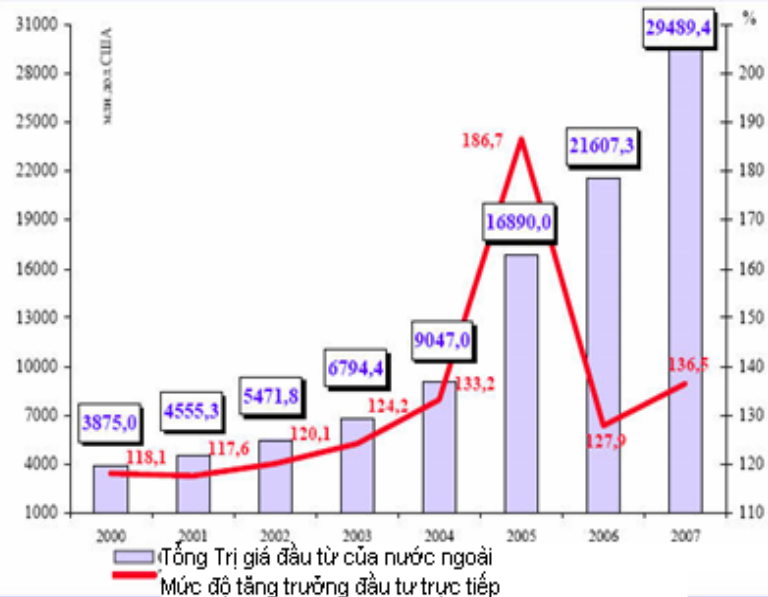
Để tăng cường bảo vệ đầu tư nước ngoài, Luật Ucraina số 1547-III ngày 16/3/2000 đã phê chuẩn Hiệp ước Washington 1965 về trình tự giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài, các hiệp định “Về khuyến khích và bảo vệ đầu tư hai chiều” đã được ký với 70 nước trên thế giới.

Tăng trưởng đầu tư trực tiếp		
	Triệu USD	% so năm trước
1995	413,4	85,5
1996	541,3	130,9
1997	625,4	115,5
1998	747,0	119,4
1999	471,1	63,1
2000	593,2	125,9
2001	680,3	114,7
2002	916,6	134,7
2003	1322,6	144,3
2004	2252,6	170,3
2005	7843,1	348,2
2006	4717,3	60,1
2007	7882,1	167,1

Đầu tư trực tiếp / đầu người		
2000		78,7
2001		94,1
2002		114,0
2003		142,6
2004		191,4
2005		359,9
2006		463,6
2007		636,5

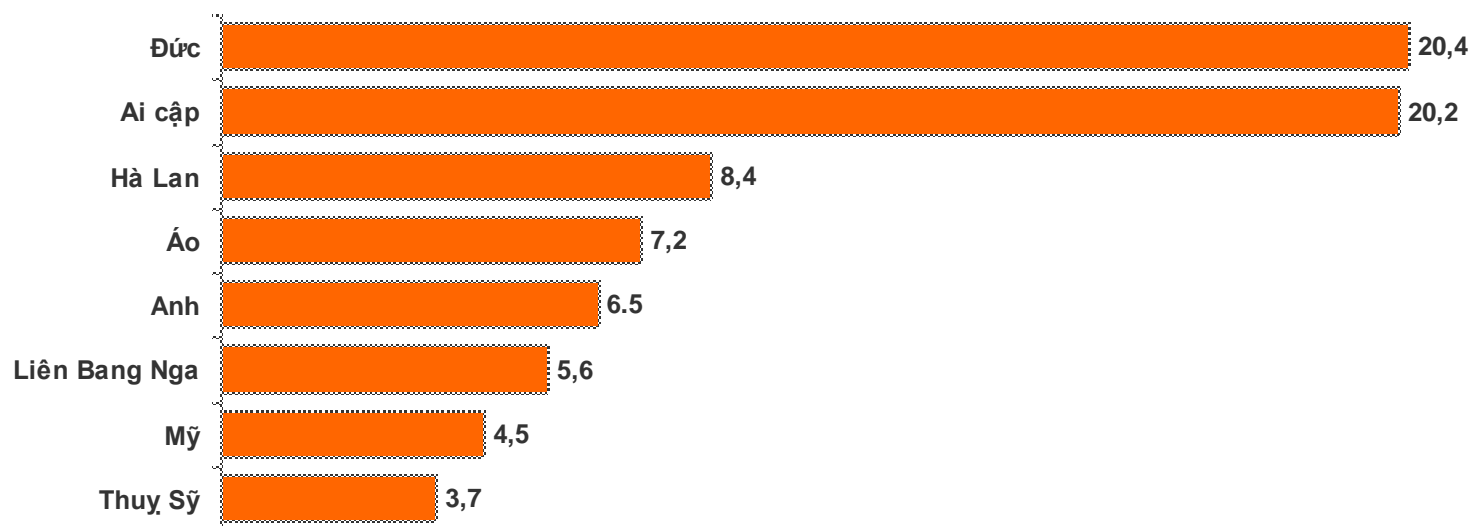
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2007



Các nước đầu tư vào Ucraina tính đến 1.01.2008  
 Ai cập - 5941,8 triệu USD ( 20,1%); Đức - 5917,9 triệu USD (20,1%)  
 Hà Lan - 2511,2 triệu USD (8,5%); Áo - 2075,2 triệu USD (7,02%)

## Các nước đầu tư vào Ucraina

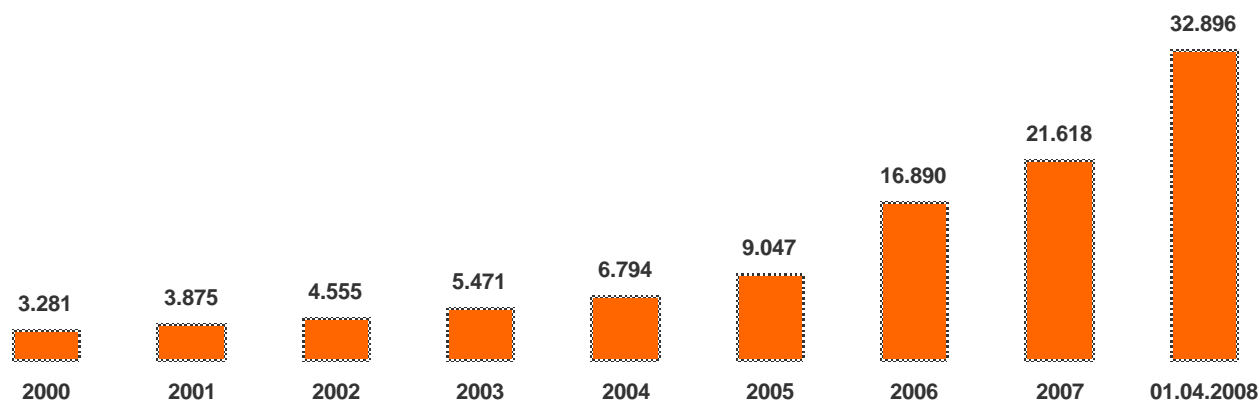
(Số liệu 01.04.2008 )





## Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ucraina

( Số liệu 01.04.2008, triệu đô la Mỹ)



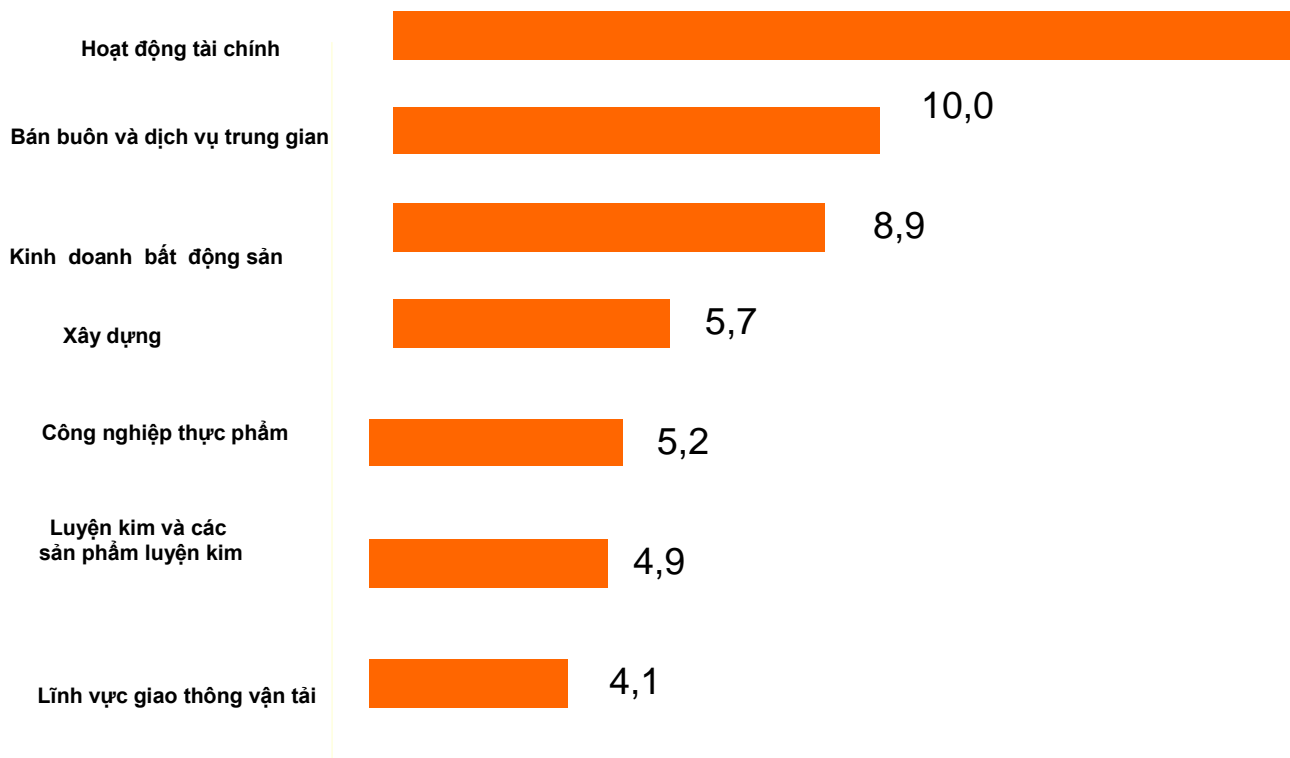
Tổng khối lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ucraina tính tới 1/1/2007 là 21,186 tỷ USD.

### Khối lượng đầu tư nước ngoài vào kinh tế Ucraina

	Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ucraina (triệu USD)	Đầu tư trực tiếp từ Ucraina (triệu USD)
1995	483,5	20,3
1996	896,9	84,1
1997	1438,2	97,4
1998	2063,6	127,5
1999	2810,7	97,5
2000	3281,8	98,5
2001	3875,0	170,3
2002	4555,3	155,7
2003	5471,8	144,3
2004	6794,4	166,0
2005	9047,0	198,6
2006	16890,0	219,5
2007	21186,0	221,5

Theo chương trình kinh tế năm 2005 của Ucraina, các nhà đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước đều được khuyến khích và bảo đảm quyền lợi. Chính phủ thực hiện các biện pháp hạn chế thấp nhất áp lực và can thiệp vào

các hoạt động kinh doanh đầu tư và giảm thiểu mức độ rủi ro trong đầu tư. Tính tới đầu năm 2007, tổng FDI vào Ucraina đạt trên 21 tỷ USD, đạt mức FDI/đầu người là 636,5 USD.



## 2. Các ngành kinh tế chủ yếu:

### A. Công nghiệp:

#### Mức tăng trưởng sản lượng công nghiệp:

(tính theo % so với cùng kỳ năm trước)

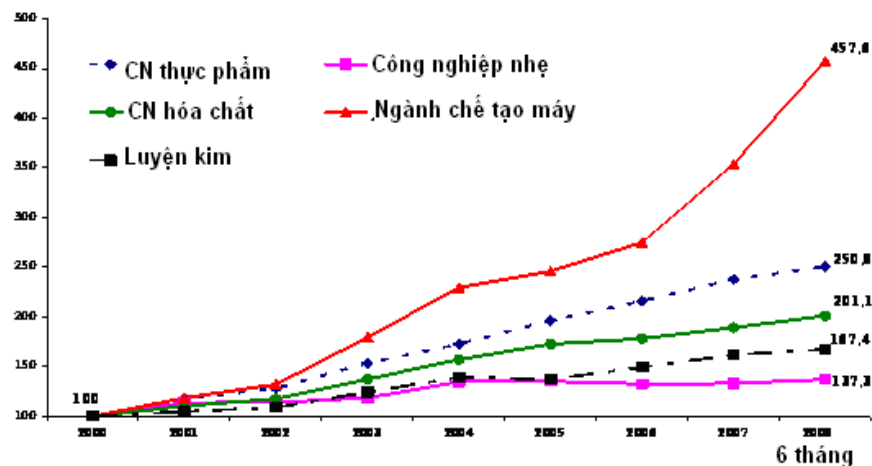
	Năm 2007		Năm 2008
	6 tháng đầu năm	Cả năm	Tháng 1
<b>Công nghiệp</b>	<b>111,8</b>	<b>110,2</b>	<b>105,7</b>
<b>Công nghiệp khai thác</b>	103,8	102,7	103,8
Khai thác nhiên liệu	98,2	98,0	102,6
Khai thác khoáng sản	112,2	108,8	105,5
<b>Sản xuất than Cốc, sản phẩm chế biến dầu mỏ</b>	104,1	103,3	79,3
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước</b>	100,5	103,2	111,3
<b>Công nghiệp hóa chất và hóa dầu</b>	106,5	106,2	107,5
- Sản xuất hóa chất	104,2	103,9	103,3
- Sản xuất sản phẩm cao su và chất dẻo	114,6	114,1	122,1

<b>Sản xuất các loại sản phẩm khoáng phi kim loại khác</b>	124,2	116,9	108,1
<b>Luyện kim và sản xuất các thành phẩm kim loại*</b>	113,9	108,3	97,6
<b>Chế tạo máy</b>	123,0	128,6	129,8
- Sản xuất máy móc, thiết bị	113,3	115,3	121,4
- Sản xuất thiết bị điện, điện tử và quang học	119,1	122,6	118,5
- Sản xuất thiết bị và phương tiện giao thông	133,3	142,3	140,2
<b>Công nghiệp nhẹ</b>	99,9	100,4	103,1
- Dệt; may mặc, lông thú và sản phẩm từ lông thú	101,3	99,7	96,8
- Da, các sản phẩm từ da và vật liệu khác	95,3	102,7	130,5
Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, ngoại trừ đồ gỗ nội thất	130,6	122,1	119,2
Sản xuất giấy, xenlulo; hoạt động xuất bản	108,5	110,6	110,3
<b>Công nghiệp chế biến</b>	113,7	111,7	105,4
<i>Trong đó:</i>			
Sản xuất thực phẩm, đồ uống, thuốc lá	113,9	110,0	110,9

**Ghi chú:** Chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp không tính đến hoạt động phân phối năng lượng sưởi ấm, khí đốt, nước.

**Chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp của một số ngành kinh tế chính  
( năm 2000=100%)**

Nguồn : Ủy ban thống kê, Bộ kinh tế



\* Dầu khí và gas:

Có 3 tỉnh của Ucraina có dầu mỏ: phía Tây vùng Karpát, phía đông vùng Dnepro – Donhetsk và phía Nam vùng biển đen và Crum. Hydrocarbon khoảng từ 7 – 8 tỷ tấn. Trung bình hàng năm sản lượng của Ucraina khai thác khoảng 25 tỷ mét khối gas và 4 triệu tấn dầu thô, đáp ứng được từ 21 - 24% nhu cầu gas tự nhiên và từ 10-12% nhu cầu dầu thô của Ucraina. Khai thác khí đốt vẫn tăng đều hàng năm, năm 2004 khai thác 20 tỷ m<sup>3</sup>, dự kiến đến năm 2030 sẽ khai thác 28 - 29 tỷ m<sup>3</sup> khí đốt.

Công ty NAFTOGAZ do nhà nước sở hữu 51% cổ phần. Công việc thăm dò, khai thác dầu khí ở thềm lục địa biển Đen sẽ gọi đầu tư của các công ty dầu khí quốc tế có công nghệ hiện đại.

Việc khai thác khí sẽ tăng ở các mỏ vùng biển Đen, biển Azov (chiếm 35% tổng khối lượng khai thác khí dự kiến của năm 2030).



Ngành công nghiệp chế biến dầu mỏ Ucraina khá lớn với 6 nhà máy lọc dầu, chế biến dầu trên cơ sở các Công ty cổ phần: ZAO “Ucr-tanafta”, OAO “Lisinsk-Naftolintez”, OAO “Khersonnetepererabotka”, OAO “Lykoil-Odeski NPZ”, OAO “Naftokhemic-Prikarpate”, OAO “NPK Galichina”. Cổ phần của các nhà máy tại Lisinchan và Odessa do các công ty dầu lửa của Nga kiểm soát.



### **\* Hệ thống vận tải khí**

Hệ thống vận tải khí đốt Ucraina bao gồm: 37,6 nghìn km đường ống, 73 trạm bơm, nén, 1600 trạm phân phối khí, 13 kho bể chứa và các công trình phụ trợ khác.

Hệ thống có thể tiếp nhận 290 tỷ m<sup>3</sup> khí và cung cấp 175 tỷ m<sup>3</sup> khí, trong đó có 140 tỷ m<sup>3</sup> khí chuyên tải cho các nước Đông và Trung Âu. Hơn 80% lượng khí đốt của Nga được trung chuyển qua lãnh thổ Ucraina để cung cấp sang Châu Âu.

### **\* Hệ thống vận tải dầu**

Hệ thống vận chuyển dầu Ucraina gồm khoảng 4569,7 km đường ống dẫn dầu, 51 trạm bơm, kho chứa dung tích 1 triệu 10 nghìn m<sup>3</sup>. Hệ thống đường ống thực hiện việc chuyển tải dầu theo hợp đồng và cung cấp dầu cho các nhà máy lọc dầu Ucraina.

Khả năng tiếp nhận của hệ thống là 108 triệu tấn, trong đó cung cấp cho khách hàng là 60 triệu tấn/năm.

*Các địa chỉ tìm hiểu:*

[www.mpe.energy.gov.ua](http://www.mpe.energy.gov.ua) - Bộ Dầu khí và năng lượng  
[www.naftogaz.com](http://www.naftogaz.com) - Công ty cổ phần dầu khí và gas  
[www.ukrtransnafta.com](http://www.ukrtransnafta.com) - Công ty cổ phần vận chuyển dầu khí và gas  
[www.nadrukayny.com.ua](http://www.nadrukayny.com.ua) - Doanh nghiệp Nhà nước Nadra Ukrainy  
[www.ukrnafta.com](http://www.ukrnafta.com) - Công ty cổ phần Ukrnafta Open  
[www.blackseagas.com/eng/](http://www.blackseagas.com/eng/) - Công ty cổ phần Chornomornaftogaz  
[www.oil-gas.com.ua](http://www.oil-gas.com.ua) - Tạp chí dầu khí và gas  
[www.upeco.com](http://www.upeco.com) - Trung tâm tư vấn dầu khí UPECO  
[www.ukroil.com.ua](http://www.ukroil.com.ua) - Trung tâm phân tích thông tin dầu khí và gas

**\* Công nghiệp Than**

Ngành khai thác than Ucraina rất phát triển vào những năm trước 1976, sau đó sụt giảm trong những năm tiếp theo. Thời kỳ 1991 - 2004 năng suất sản xuất than giảm khoảng 2,2 lần, thời kỳ cuối năm 2004 công suất sản xuất chỉ đạt khoảng 79%.

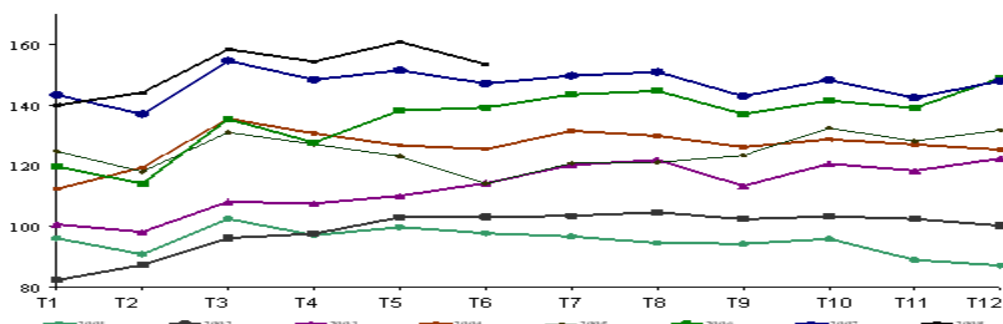
Hiện tại, than được khai thác tại những mỏ cũ và những mỏ mà điều kiện khai thác rất khó khăn. Khoảng 96% số mỏ đã trên 20 năm, không được cải tạo, chưa được hiện đại hóa và trên 50% máy móc, thiết bị đã hết khấu hao.



*Các địa chỉ tìm hiểu:*

- [www.ugol.org](http://www.ugol.org) : Hiệp hội than quốc tế
- <http://www.mvp.gov.ua> : Bộ Công nghiệp Than

**\* Luyện kim:**



*Chỉ số khối lượng sản phẩm ngành luyện kim và các sản phẩm kim loại (năm 2000=100%)*

Liên hợp mỏ luyện kim Ucraina bao gồm 15 Liên hợp và nhà máy luyện kim; 3 nhà máy hợp kim; 14 xí nghiệp khai thác mỏ; 12 nhà máy luyện than cốc; 13 nhà máy sản xuất gạch chịu lửa; xí nghiệp sản xuất thép ống.

Ngành luyện kim đen tập trung tại 4 khu vực: Donesk sản xuất 45% gang và 46% thép; Dnepropetrovsk - 34% gang và 31% thép; Lugansk - 9% gang và 10% thép; Zaporojie - 12% gang và 13% thép

\* **Quặng sắt:** Cơ sở nguyên liệu sắt của Ucraina nằm ở 4 khu vực: Vùng quặng sắt Krivoirov; khu vực quặng Kremenchuk; khu vực quặng Belozor; vùng quặng Kerchen.



*Địa chỉ tìm hiểu*

[www.dmz.com.ua/](http://www.dmz.com.ua/) - Nhà máy luyện kim tỉnh Donhesk

<http://www.zaporizhstal.com/> -Nhà máy luyện kim ở Zaporojie

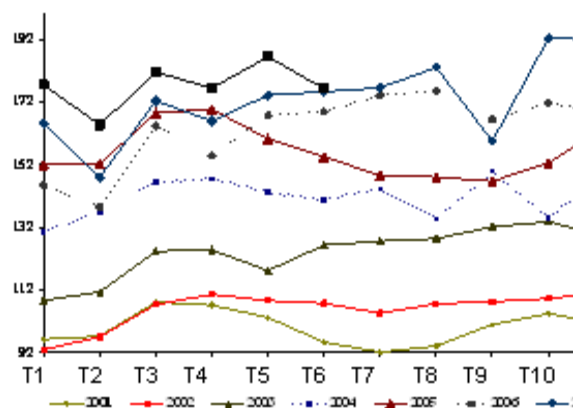
\* **Hóa chất**

Ucraina có 8 nhà máy sản xuất phân bón lớn, trong đó có 6 nhà máy chuyên sản xuất phân ure như “ Azot” Shevedonesk tại vùng Lugans,



Dneprodzerzhinsk, Cherkasu, Donetsk. Ukraina là nước xuất khẩu phân đạm có tiếng trên thế giới và đã xuất khẩu sang 70 nước trong đó: Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico, Việt Nam, Ấn Độ.

Hàng tháng Ukraina xuất khẩu trung bình từ 290-310 nghìn tấn phân ure và khoảng 80 nghìn tấn đạm, ngoài ra còn xuất khẩu từ 19-20 nghìn tấn phân tổng hợp ure-đạm.



Chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp hóa chất và hoa dầu ( năm 2000=100%)

Địa chỉ tìm hiểu:

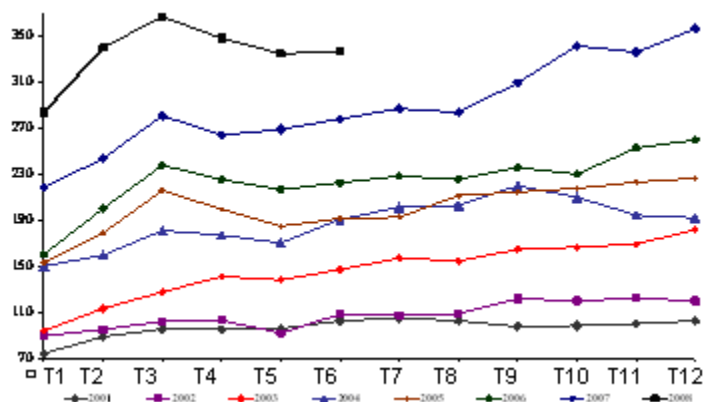
<http://www.bayer.kiev.ua/ru/products/chemicals.html> - Tạp chí khoa học về sản phẩm hóa chất

#### \* Ngành đóng toa xe

Ngành đóng toa xe ở Ukraina rất phát triển, đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế và có triển vọng rất lớn.

Năm 2006 đã đưa vào vận hành 5.000 toa xe, 25 đầu kéo tàu khách, 200 toa xe diesel và 156 toa xe hành khách. Hệ thống tàu điện ngầm sẽ tiếp tục được mở rộng và hiện đại hóa.

Chỉ số khối lượng sản phẩm ngành chế tạo máy (năm 2000=100%)



Nhà máy lớn nhất là tập đoàn “Luganskteplovoy”. Năm 2005 khối lượng sản xuất toa xe tăng 3,1% so với năm 2004. Khối lượng xuất khẩu chiếm 68%, chủ yếu sang Nga, Kazakstan và Siria.

Địa chỉ tìm hiểu:

<http://www.industry.com.ua> – Bộ Công nghiệp



**\* Ngành đóng tàu và sửa chữa tàu biển:**

Theo đánh giá của Bộ Chính sách công nghiệp, hàng năm ngành đóng tàu có thể sản xuất được khối lượng sản phẩm có trị giá 400-450 triệu USD. Ngành công nghiệp đóng tàu và sửa chữa của Ucraina sử dụng công nghệ tiên tiến. Toàn ngành có: 25 viện nghiên cứu; 7 nhà máy lớn sản xuất động cơ thủy, thiết bị công nghiệp tàu thủy khác; 11 nhà máy đóng tàu thủy; 11 xí nghiệp sửa chữa. Hiện nay các nhà máy đóng tàu của Ucraina như “ Okean” ( Nhicolaev); nhà máy đóng tàu Kherson.. thường thực hiện các đơn đặt hàng của các nước Đức, Đan Mạch, Hà Lan, Nam Triều Tiên, Nga....



*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://uaportal.com/Business/Industry/shipbuilding/>: danh sách các nhà máy đóng tàu, doanh nghiệp sửa chữa và đóng tàu

**\* Máy móc nông nghiệp:**

Ucraina có khoảng 40 nhà máy sản xuất máy móc phục vụ vụ nông nghiệp. Sản phẩm chủ yếu là máy cày, máy gặt, máy sỏi đất, máy gieo hạt và máy tưới nước... Năm 2007 sản xuất được: 182,5 nghìn máy kéo (10 máy/1.000 hecta); 43,3 nghìn máy liên hợp ( 4 máy/1.000 hecta)



Hiện nay Ucraina đang tăng dần nhập máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng từ các nước Châu Âu khác.

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://www.minagro.kiev.ua>: Bộ Chính sách Nông nghiệp

**\* Công nghiệp hàng không và hàng không - vũ trụ:**



Ngành sản xuất máy bay vận tải, máy bay hành khách tầm gần và tầm trung tại Ucraina được chuyên môn hóa rất cao.

Nhà máy chế tạo máy bay Kharcôp sản xuất loại máy bay AN-140 và AN-74. Nhà máy chế tạo máy bay Kiev «АВІАHT» sản xuất các loại máy bay AN-148, AN-70, TU-334, AN-3, cải tiến máy bay AN-124 thành máy bay dân dụng loại AN-124-100.

Ucraina là 1 trong 5 nước có chu trình khép kín sản xuất tên lửa vũ trụ. Các xí nghiệp Ucraina sở hữu 17 trong số 22 công nghệ nổi tiếng thế giới và tham gia vào 50 đề án quốc tế.

Tất cả ngành tên lửa- vũ trụ được đặt dưới sự lãnh đạo của cơ quan vũ trụ nhà nước Ucraina (từ năm 1992) với cơ cấu gồm 30 xí nghiệp và các viện nghiên cứu.

Hướng phát triển dài hạn ngành vũ trụ Ucraina là chế tạo tên lửa bay, thành lập hệ thống hàng không- vũ trụ trên cơ sở hoàn toàn sử dụng quy trình sản xuất, công nghệ, thiết kế hiện đại của Ucraina

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://www.aerosvit.com>: Hãng hàng không quốc gia Ucraina

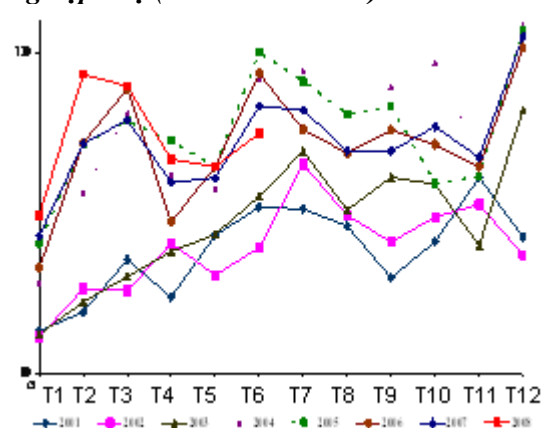
### **\* Công nghiệp nhẹ**

Ngành công nghiệp nhẹ bao gồm 25 phân ngành với 500 xí nghiệp sản xuất và trên 300 nghìn người đang làm việc.

Các phân ngành chính: dệt vải, da, may mặc, dệt kim, giày dép, lông thú, sản xuất đồ chơi... với khối lượng sản phẩm phân bố theo khu vực như sau: Jutomi 10,2%, Lugansk 7%, Ternhigov 6,6%, Lvov 6,1%, Rovno 5,5%, Ivan-Frankov 5%, Kiev 9%...

Trong số 500 xí nghiệp có hơn 140 xí nghiệp tham gia hoạt động kinh tế ngoại thương, xuất khẩu sản phẩm các mặt hàng vải sang 25 nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và các nước SNG.

*Chỉ số khối lượng sản phẩm ngành công nghiệp nhẹ (năm 2000=100%)*



*Địa chỉ tìm hiểu*

<http://inform.od.ua> – Thông tin các ngành nghề của Ucraina

**\* Trồng rừng và công nghiệp chế biến gỗ:** Ucraina luôn duy trì chính sách đẩy mạnh và tăng diện tích trồng rừng. Thời kỳ 1956 - 2008 diện tích rừng tăng lên 1857 nghìn hecta hoặc 20,8%. Tổng trữ lượng gỗ tăng lên 2,4 lần, đạt 1736 triệu m<sup>3</sup>.

Rừng bao gồm các loại gỗ: thông 33,6% (*Pinus silvestris* L), sồi 24,4% (*Quercus robur* L), dẻ gai (*Fagus silvatika* L) 7,4%.

Năm 2001 số lượng xí nghiệp công nghiệp chế biến gỗ là 3600. Năm 2008 con số này đã tăng tới 4200. Một trong những nhiệm vụ chính của ngành là tăng khối lượng gỗ chế biến.

*Địa chỉ tìm hiểu*

<http://5ka.com.ua/66/40740/1.html> - Tài liệu nghiên cứu về rừng

**\* Ngành dược phẩm:**

Ngành dược phẩm Ucraina bao gồm: sản xuất thuốc, dụng cụ y tế, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm thông qua hệ thống phân phối.

Chính sách của nhà nước Ucraina trong lĩnh vực dược và cung cấp thuốc thực hiện theo các tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu.

Các nhà sản xuất thuốc chính của Ucraina: FF «Darnhisa», AT «Kievmedpreparat», HBS «Borshagovski XfZ», OAO «FAMAK», AO «Galifchfarm».

Các trung tâm dược phẩm lớn tại Kiev chiếm 20% khối lượng sản xuất; Kharcov - 15%; Lvov - 10%; Donhesk - 9%.

Hiện tại có trên 1.500 công ty kinh doanh thuốc tân dược và trên 20.000 cửa hàng thuốc phân bố đều khắp trên lãnh thổ Ucraina.

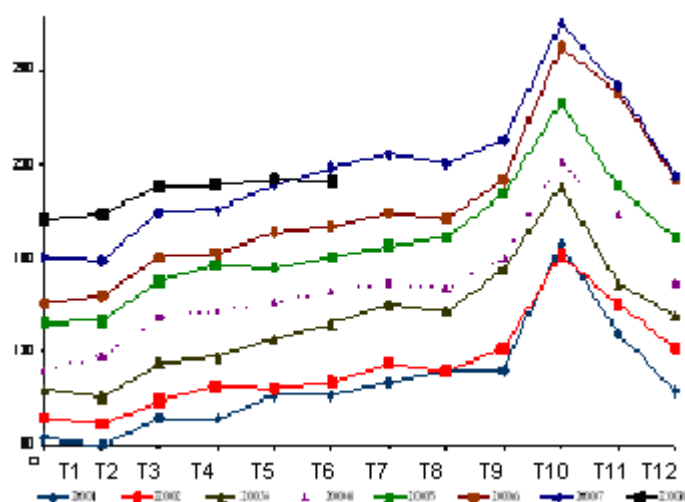
*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://www.moz.gov.ua>: Bộ Y tế Ucraina

**\* Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:**

Trong năm 2006, khối lượng sản xuất tăng lên 10% so với năm 2005. Trong số những lĩnh vực chính của ngành, sự tăng trưởng như sau: sản xuất mỡ tăng 25,3%, công nghiệp đường, sản xuất thịt và thuốc lá tăng lần lượt là 34,9, 13,6 và 9,5%, chế biến rau, quả tăng 11,8%, đồ uống tăng 9,6%, các sản phẩm mì sợi tăng 7,3%, công nghiệp bánh kẹo tăng 0,7%.

*Chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (năm 2000=100%)*



*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://www.fooddept.gov.ua>: Ủy ban thực phẩm của Bộ Chính sách Nông nghiệp

**\* Công nghiệp chế biến sữa:**

Có trên 400 xí nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp sữa, chiếm 18% ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

Công suất chế biến sữa của Ucraina là trên 18,5 triệu tấn. Trong các năm 2000 – 2004 trung bình chế biến được 4,2 triệu tấn sữa mỗi năm, năm 2004 đạt 5,2 triệu tấn.

Các sản phẩm từ sữa có trị giá lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Ucraina là: pho mát, sữa bột, casein, bơ.

Hàng năm xuất khẩu pho mát của Ucraina đều tăng về trị giá, xuất khẩu sữa bột tương đối ổn định, còn xuất khẩu bơ hàng năm có thay đổi.

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://freemarket.kiev.ua> - Báo thị trường Ucraina

<http://www.bilozgar.com.ua/> - Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ sữa

**\* Công nghiệp dầu thực vật:**

Mỗi năm sản xuất trên 1350 nghìn tấn dầu thực vật, chủ yếu là dầu hướng dương chiếm 905 nghìn tấn.

Sản lượng hạt hướng dương của Ucraina đứng thứ ba sau Argentina và Nga và chiếm từ 7 đến 12% tổng sản lượng thế giới

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://freemarket.kiev.ua> - Báo thị trường Ucraina

**\* Công nghiệp sản xuất bột ngũ cốc:**

Nhu cầu hàng năm về ngũ cốc để sản xuất bánh mì và các sản phẩm bánh mì khoảng từ 5,7 đến 7 triệu tấn, trong đó lúa mì chiếm 80%, kiều mạch 5%, gạo 2,5% và các loại ngũ cốc khác 4%.

Trong cơ cấu sản xuất bột thì bột mì chiếm tỷ trọng lớn nhất: 90%.

Ucraina xuất khẩu bột mì và các loại bột khác sang Nga, Gruzia, Moldova. Ucraina cũng nhập khẩu bột mì từ các nước Nga, Kazakstan, Belarus và số lượng nhỏ từ các nước Châu Âu, Đức, Pháp.

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://freemarket.kiev.ua> - Báo thị trường Ucraina

### **\* Công nghiệp sản xuất đồ hộp:**

Ucraina sản xuất 6963,9 nghìn tấn rau và 1635,2 nghìn tấn quả, trái cây đóng hộp.

Cơ cấu sản phẩm: Về rau: bắp cải 22,4%, dưa chuột 10,2%, cà chua 16,5%, bầu, bí 6,9%, ớt ngọt 1,8%. Về trái cây: táo 43,8%, lê 9,3%, mận 10,6%, anh đào 10,9%, mơ 6,1%, phúc bồn tử 1,5%.

Sản xuất đồ hộp những năm gần đây tăng trưởng khá ổn định. Mỗi năm sản xuất khoảng 3 nghìn tỷ hộp.

Các nhà cung cấp chính về rau - quả hộp cho Ucraina: Uzbekistan, Nga, Hungaria, Armenia, Moldova. Các nhà nhập khẩu đồ hộp của Ucraina: Nga 43,7%, Belarus 1,6%, Đức 1,3%, Kazakstan 1,2%, Moldova 0,5%. Ngoài ra một lượng nhỏ được xuất khẩu sang Mỹ, Canada và vùng Baltic

*Địa chỉ tìm hiểu:*

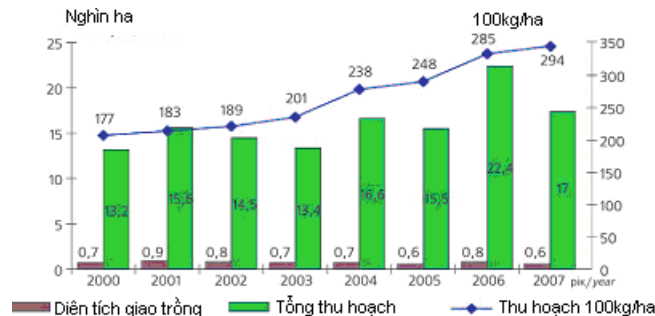
<http://freemarket.kiev.ua> - Báo thị trường Ucraina

### **\* Công nghiệp đường:**

Các xí nghiệp đường hàng năm sản xuất được 1,8 triệu tấn đường cát; 350 nghìn tấn đường tinh chế; 4,7 nghìn tấn axit chanh; 2,2 - 2,4 nghìn tấn mật.

Đảm bảo cơ bản nhu cầu nội địa.  
Sản phẩm phụ được dùng trong sản xuất rượu, thức ăn gia súc.

Các nhà máy đường của Ucraina cũng tích cực tham gia vào việc gia công, chế biến đường từ nguyên liệu đường thô nhập khẩu.



Nhu cầu đường hàng năm của Ucraina là 2,0 triệu tấn.

*Cơ cấu sản xuất củ cải đường (nghìn tấn)*

	2000-2001	2001-2002	2002-2003	2003-2004	2004-2005
<b>Tổng sản phẩm</b>	13198,8	15574,6	14452,5	13391,9	16600,4
<b>Kinh tế nông trường nông nghiệp</b>	11594	12408,2	10672,4	10364,8	12759,8
<b>trong đó: trang trại</b>	-	1036	1164,3	1127,8	1409,8
<b>Kinh tế cá thể</b>	1605	3166,3	3780,1	3027,1	3840,6

*Địa chỉ tìm hiểu:*

*<http://sugarua.com/site/index> - Hiệp hội Đường Ucraina*

**\* Công nghiệp sản xuất bánh kẹo:**

Khối lượng sản xuất bánh kẹo Ucraina đạt 3% GDP. Sản lượng bánh kẹo của Ucraina chiếm 1% thị trường thế giới.

Công suất sản xuất của ngành là 1 triệu tấn. Nhu cầu đường của các xí nghiệp bánh kẹo là 400 nghìn tấn đường/năm.

Nhập khẩu bánh kẹo để tiêu thụ trên thị trường nội địa chỉ chiếm 3%, năm 2002 nhập khẩu 14,6 nghìn tấn (tương đương 33,1 triệu USD).

Nhu cầu bánh kẹo tính trên đầu người tăng từ 8,3 kg năm 1999 lên 13 kg năm 2005 (riêng năm 1990 là 21kg/người).

*Sản xuất bánh kẹo trong các năm: (nghìn tấn)*

Năm	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Sản xuất bánh kẹo	515	668	732	756	868	930	1000	1060

*Địa chỉ tìm hiểu:*

*<http://freemarket.kiev.ua> - Báo thị trường Ucraina*

**\* Công nghiệp sản xuất rượu màu và vodka:**

Các xí nghiệp công nghiệp cồn và rượu Ucraina thuộc tổ hợp nhà nước về cồn và rượu (Tổ hợp Ukrspirt). Tại Ucraina việc sản xuất cồn do nhà nước độc quyền. Giấy phép sản xuất cồn được cấp cho 82 nhà máy.



Nguyên liệu chính để sản xuất rượu là ngũ cốc, mật và sản phẩm phụ của ngành đường. Khoảng 3 - 3,5% (tức 1 - 1,5 triệu tấn) ngũ cốc được sử dụng để sản xuất cồn.

Nhà nhập khẩu chính là Nga - 88%; Moldova - 4%; Kazakstan - 1%; Israel - 1% và Armenia - 1%.

*Địa chỉ tìm hiểu:*

<http://vodka.com.ua/news/> - Thông tin về ngành rượu

## **B. Nông nghiệp**

Là lĩnh vực kinh tế hiệu quả nhất, có khả năng xuất khẩu cao, kinh tế nông nghiệp có ảnh hưởng chủ yếu đến tăng trưởng kinh tế của đất nước. Ucraina có tiềm năng to lớn để phát triển lĩnh vực nông nghiệp trong tương lai. Khoảng 3,8 triệu người hoạt động trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, trong số đó hơn 42% làm việc ở khu vực kinh tế tư nhân



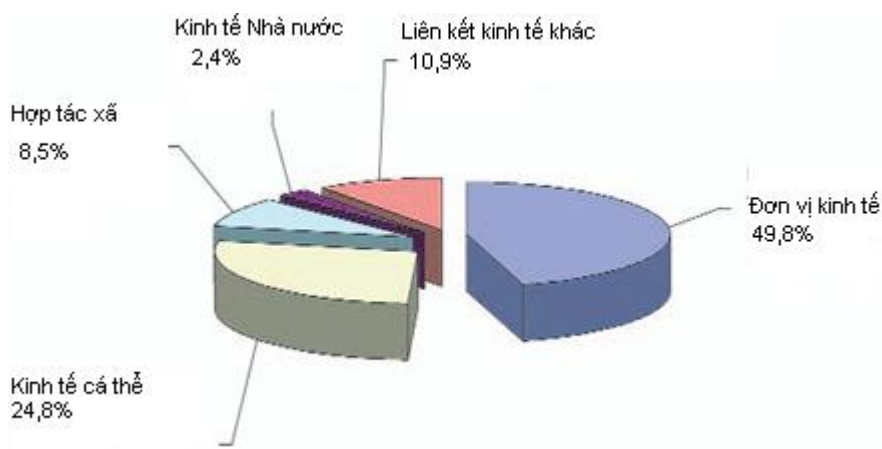
### **Ngành nông nghiệp Ucraina so với thế giới:**

- Diện tích gieo trồng	2.3%
- Sản xuất:	
+ Ngũ cốc:	1.6%
+ Đường:	6.4%
+ Hạt hướng dương:	11.5%
+ Khoai tây:	6%
+ Thịt các loại:	0.6%
+ Sữa:	2.2%
+ Trứng:	1.2%

*Địa chỉ tìm hiểu về nông nghiệp:*

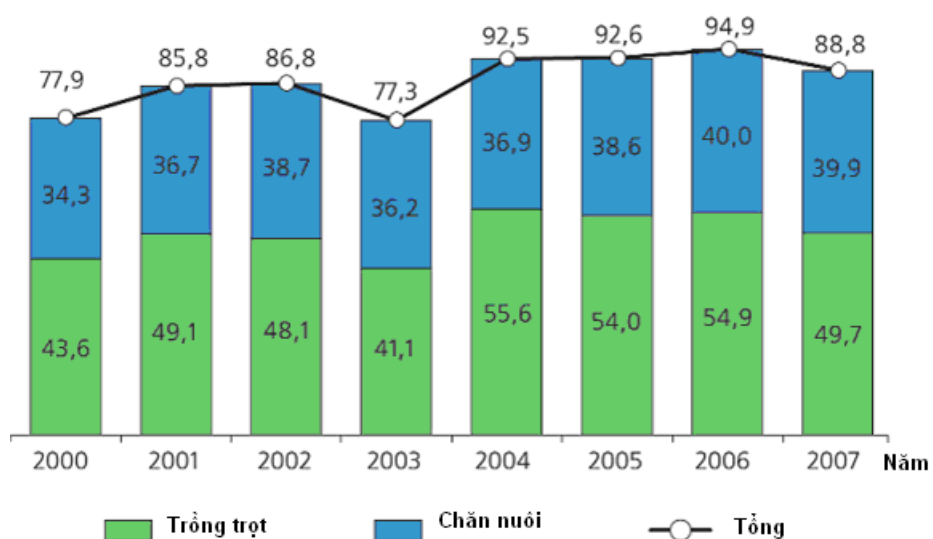
<http://www.minagro.kiev.ua>: Bộ Chính sách Nông nghiệp  
<http://www.agriukraine.com>: Tin tức nông nghiệp Ucraina  
<http://www.pe.com.ua>: Triển lãm nông nghiệp Ucraina

### Cơ cấu các xí nghiệp sản xuất nông nghiệp theo hình thức sở hữu Năm 2007



Khối lượng sản xuất nông nghiệp năm 2007 tính theo trị giá khoảng 88,8 tỷ Grivna (năm 2006 đạt 94,9 tỷ Grivna).

Sản xuất tổng sản phẩm nông nghiệp ,tỷ grivna ( so sánh với giá năm 2005)



**\* Ngành chăn nuôi:**

Khối lượng chăn nuôi gia súc và gia cầm năm 2005 tăng so với năm 2004 là 22,3%, trong đó chăn nuôi lợn tăng 25,5%, gia cầm tăng 39,7%.

Vào thời điểm năm 2004, khoảng 60% nông trường có số lượng gia súc đến 200 con bò; 20,3% có từ 200 - 500 con, 18,1% có từ 500 - 2000 con; 1,6% có trên 2000 con.



**\* Ngành thủy sản :**

Nhu cầu hải sản tại Ucraina tăng đều trong những năm gần đây, năm 2006 tính trung bình trên đầu người tiêu thụ hải sản là 15kg/người/năm. Các chuyên gia trong lĩnh vực nghề cá dự đoán lượng tiêu thụ hải sản vẫn còn tăng, đến năm 2010 dự tính là 20 kg/người/năm .

Niên vụ 2007 -2008 dự tính tăng 68.000 tấn (tăng 55% so niên vụ 2006 -2007), các sản phẩm nhập khẩu năm 2006 tăng so năm 2005: cá mòi tăng 1,5 lần; cá trích (Clupea) tăng 3 lần; tôm tăng 10 lần .

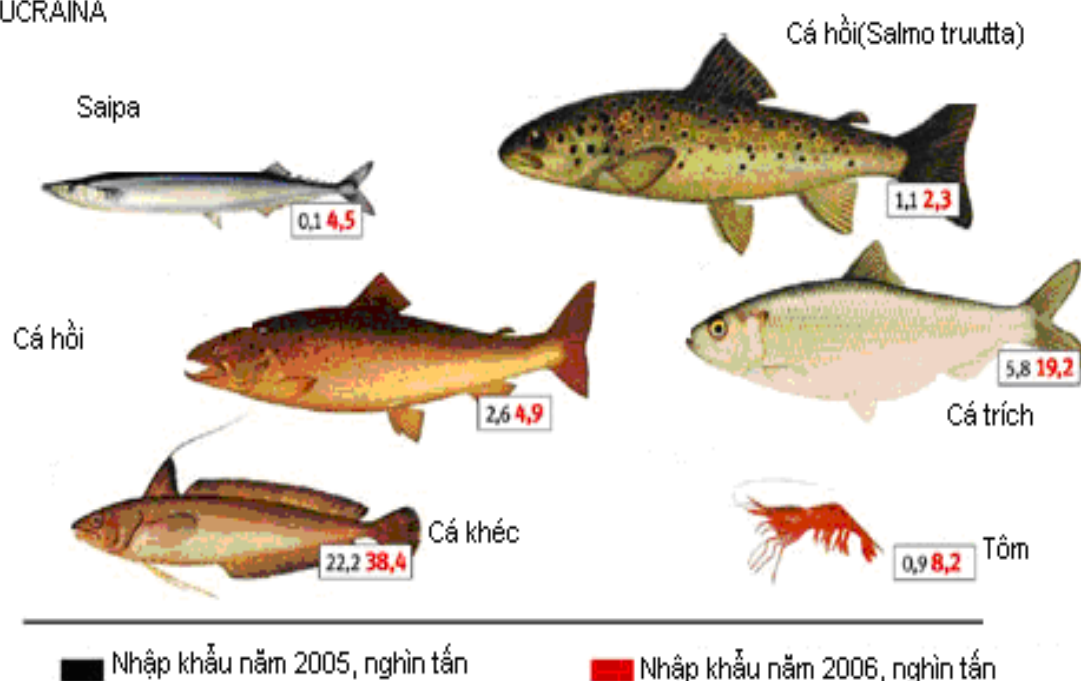
Thị trường nhập khẩu của Ucraina: Na Uy chiếm khoảng 50%; Achentina, Tây Ban Nha, Nga ... chiếm khoảng 40%; Đan Mạch; Canada; Mỹ ... chiếm khoảng 10%.

**Khối lượng các loài cá nhập khẩu vào thị trường Ucraina .**

Đơn vị : Tấn

Năm/loài cá	Cá mòi	Cá trích	Tôm	Ba sa	Cá hồi(Salmo)	Cá hồi(Salmo trutta)	Saipa
2005	22 229	5 792	858	225	2 580	1 064	127
2006	38 375	19 182	8 179	7 486	4 881	2 333	4 530

## NHẬP KHẨU HẢI SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG UCRAINA



Nguồn: UB nghề cá **Ucraina**

### \* ***Ngành trồng trọt:***

Những năm gần đây, ngành trồng trọt đã khắc phục được tình trạng giảm sút sản xuất.

Năm 2005, diện tích gieo trồng là 26,0 triệu hecta (giảm 2,7% so năm 2004), trong đó các nông trường nông nghiệp gieo trồng 18,4 triệu hecta (70,7 %).

Sản phẩm ngành trồng trọt Ucraina có khối lượng lớn là ngũ cốc, hạt hướng dương, củ cải đường, trong đó sản phẩm của các nông trường chiếm 75-80%.



Ucraina tự đảm bảo được nhu cầu về các loại trái cây và nho: năm 1995 - 93,7%, năm 2000 - 105,9%, năm 2004 - 93,8%.

Ucraina là một trong 5 nước sản xuất hạt hồ đào (quả óc chó) lớn của thế giới (chiếm 4,7%). Các nước nhập khẩu chính sản phẩm trái cây quả, nho của Ucraina là Ba Lan 20%, Litva 10%, Nga 7%, Đức 6%, Thổ Nhĩ Kỳ 6%.



## C. Ngoại thương

### Cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa theo khu vực

(Triệu USD)

	<b>Tổng</b>	Các nước SNG	Các nước khác	Châu Âu	Các nước thành viên EC	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Úc, Châu đại dương	các nước còn lại
<b>Xuất Khẩu</b>										
<b>1996</b>	<b>14400,8</b>	7405,2	6995,6	3456,9	3313,9	2711,0	209,3	598,3	20,1	–
<b>1997</b>	<b>14231,9</b>	5585,7	8646,2	3675,3	3483,2	3829,2	472,4	652,5	16,8	–
<b>1998</b>	<b>12637,4</b>	4202,3	8435,1	3993,0	3855,5	2997,0	562,0	865,4	17,4	0,3
<b>1999</b>	<b>11581,6</b>	3252,2	8329,4	3790,2	3647,4	3183,8	617,1	692,4	45,1	0,8
<b>2000</b>	<b>14572,5</b>	4497,5	10075,0	4680,2	4561,1	3437,9	731,5	1217,5	7,0	0,9
<b>2001</b>	<b>16264,7</b>	4675,4	11589,3	5720,9	5506,3	3970,2	877,0	1011,9	7,4	1,9
<b>2002</b>	<b>17957,1</b>	4377,4	13579,7	6515,8	6376,2	5067,7	1055,2	936,9	4,1	–
<b>2003</b>	<b>23066,8</b>	6044,4	17022,4	9147,4	8685,4	5400,7	1250,3	1219,2	4,8	–
<b>2004</b>	<b>32666,1</b>	8557,0	24109,1	11764,3	11009,6	8030,7	1758,0	2544,2	11,7	0,2
<b>2005</b>	<b>34228,4</b>	10730,6	23497,8	10881,4	10233,4	8377,4	2393,9	1831,2	13,7	0,2
<b>2006</b>	<b>38368,0</b>	12663,5	25704,5	12625,5	12087,9	8133,8	2373,7	2550,9	17,9	2,7
<b>2007</b>	<b>49296,1</b>	18614,6	30681,5	14773,8	13916,4	10354,0	2792,0	2686,3	15,7	59,6
<b>Nhập khẩu</b>										
<b>1996</b>	<b>17603,4</b>	11175,9	6427,5	4655,6	4492,2	668,8	141,5	931,0	24,3	6,3
<b>1997</b>	<b>17128,0</b>	9879,4	7248,6	5451,6	5247,1	837,2	136,8	797,9	22,0	3,1
<b>1998</b>	<b>14675,6</b>	7897,0	6778,6	4998,5	4829,5	879,1	118,7	755,5	20,9	5,9
<b>1999</b>	<b>11846,1</b>	6743,2	5102,9	3547,4	3452,5	756,7	157,8	588,4	27,2	25,4
<b>2000</b>	<b>13956,0</b>	8039,9	5916,1	4311,5	4039,3	832,0	136,4	581,4	54,7	0,1
<b>2001</b>	<b>15775,1</b>	8832,2	6942,9	4981,7	4748,1	970,8	198,5	740,9	51,0	–
<b>2002</b>	<b>16976,8</b>	8968,2	8008,6	5751,1	5505,4	1171,6	177,3	856,7	51,5	0,4
<b>2003</b>	<b>23020,1</b>	11508,5	11511,6	8165,6	7864,5	1971,2	248,8	1072,2	53,4	0,4
<b>2004</b>	<b>28996,8</b>	15208,0	13788,8	9887,2	9547,4	2574,0	279,7	966,1	81,5	0,3
<b>2005</b>	<b>36136,3</b>	17029,3	19107,0	12666,4	12191,9	4644,5	426,2	1265,5	103,9	0,5
<b>2006</b>	<b>45038,6</b>	20184,6	24854,0	16804,2	16194,6	6071,4	413,0	1465,3	99,5	0,6
<b>2007</b>	<b>60618,0</b>	25569,5	35048,5	23048,9	22218,7	8942,0	673,1	2255,4	128,4	0,8



Trong năm 2007, Ucraina có giao dịch ngoại thương với 213 nước trên thế giới. Các đối tác thương mại chủ yếu của Ucraina là các nước Châu Âu, Nga và các nước thuộc Liên xô cũ. Xuất khẩu sang các nước Châu Âu chiếm 1/3, sang Nga và các nước SNG chiếm 1/4 tổng xuất khẩu của Ucraina. Ba thị trường xuất khẩu lớn nhất của Ucraina là Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Italia. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Ucraina gồm: Sắt thép, điện năng, máy móc, thiết bị, ngũ cốc... Các nước xuất khẩu lớn nhất sang Ucraina gồm: Nga, Đức và Tuốc-mê-ni.

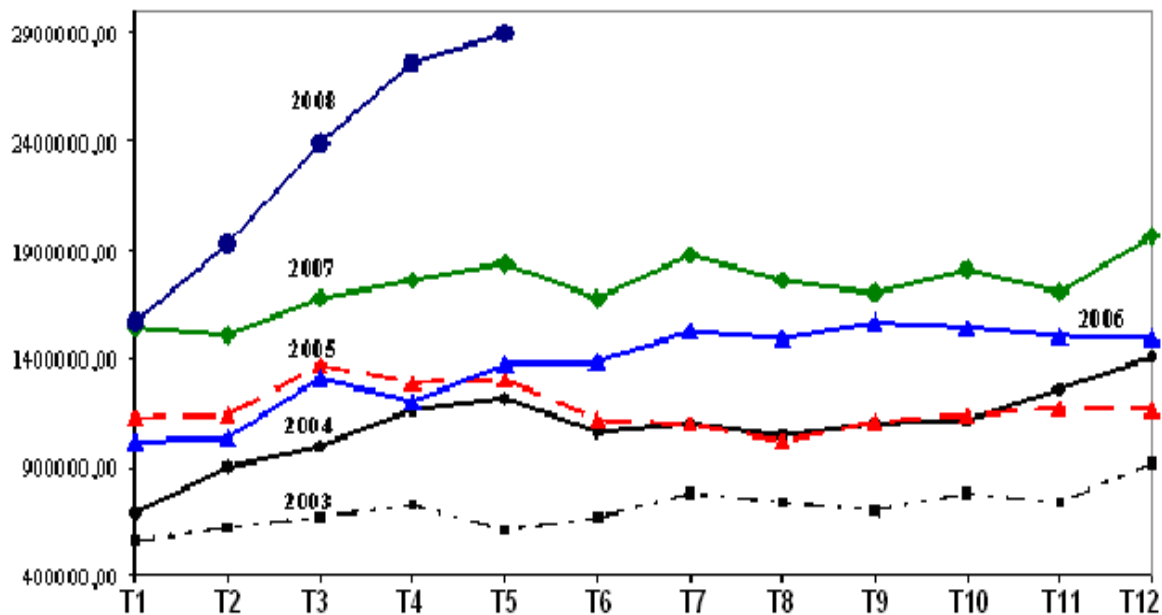
Ucraina có nền kinh tế hướng vào xuất khẩu với cơ cấu xuất khẩu hàng hóa chủ yếu là nguyên liệu và sản phẩm có phần giá trị gia tăng không cao.

Những nhóm hàng xuất khẩu cơ bản của Ucraina vẫn không thay đổi trong thời gian qua. Các mặt hàng xuất khẩu quan trọng là kim loại thông thường, hàng nông sản, phân bón, sản phẩm khoáng chất và công nghiệp hóa chất.



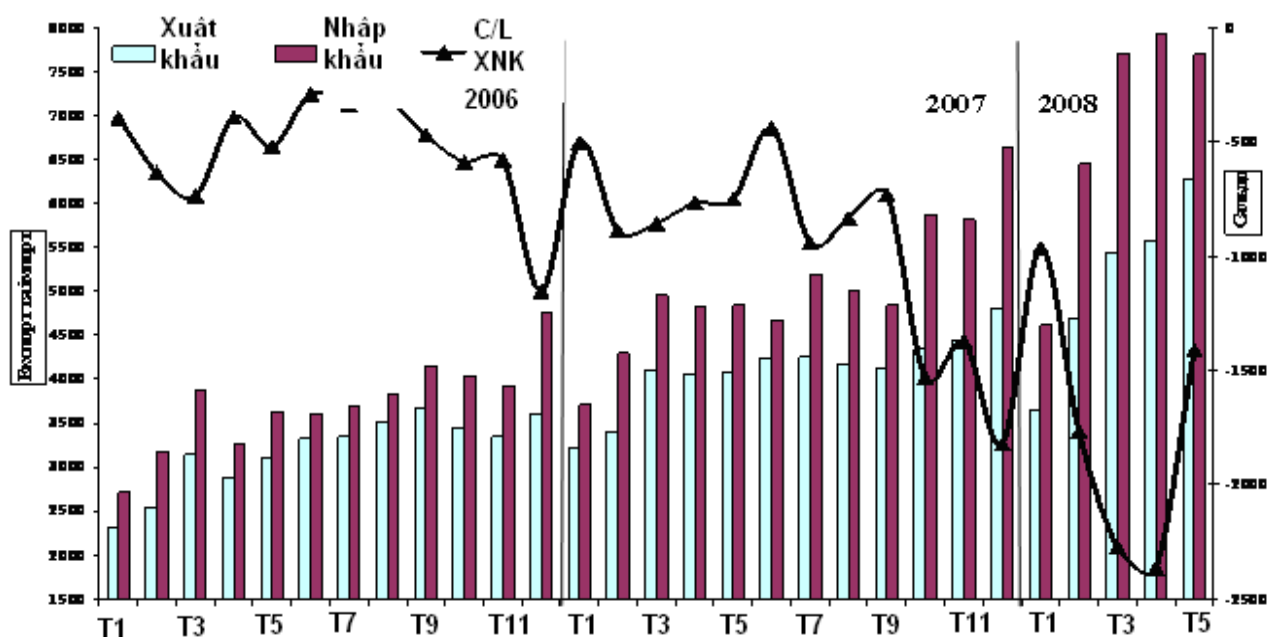
*Ngân hàng Nhà nước Ucraina*

**Xuất khẩu sản phẩm kim loại hàng tháng (nghìn USD)**





Năm 2007 lượng hàng hóa xuất khẩu lớn nhất là sang Nga chiếm 22,5% tổng khối lượng xuất khẩu. Khối lượng hàng xuất khẩu sang các nước khác như sau: Italia 6,5%, Thổ Nhĩ Kỳ 6,2%, Balan 3,5%, Đức 3,3%, Belarus 3,2%, Hoa Kỳ 3,1%.

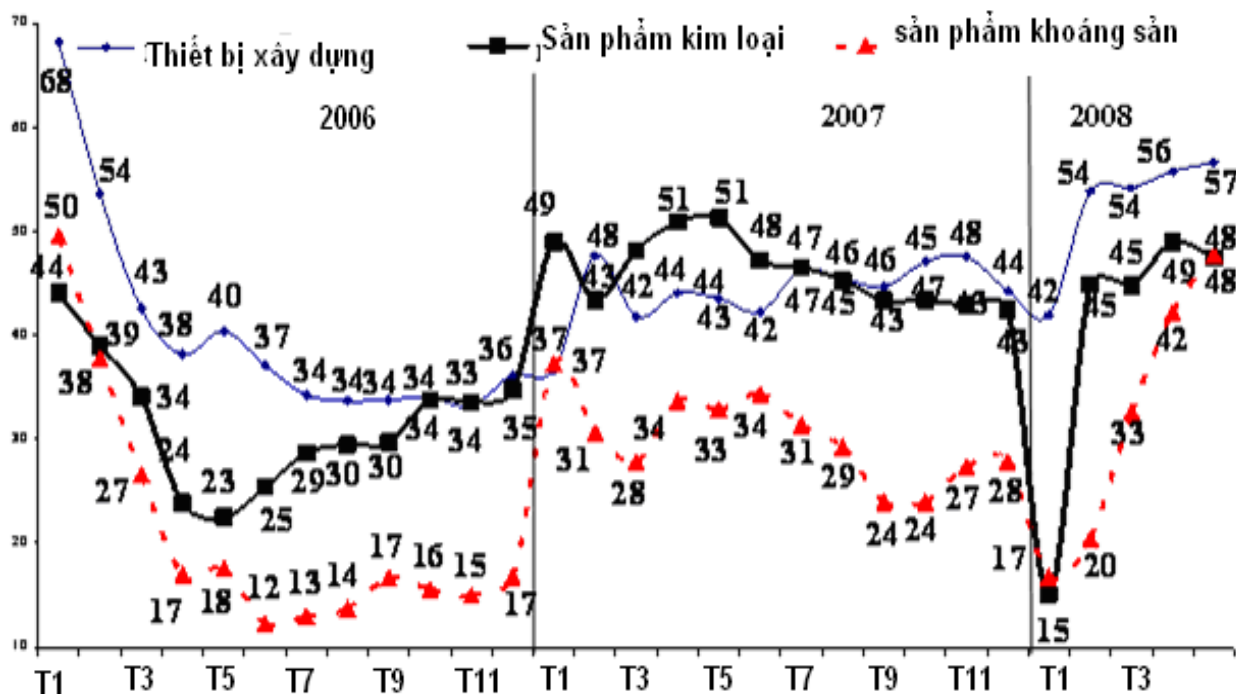


Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu năm 2006 so với 2005, tỷ trọng của kim loại đen tăng từ 33,5 đến 34%, sản phẩm từ kim loại đen tăng từ 5,4 đến 6,2%, máy móc và thiết bị điện tăng từ 2,7 đến 3,3%, sản phẩm mỡ, dầu động và thực vật tăng từ 1,7 đến 2,5%, vật liệu polimer và chất dẻo tăng từ 1,1 đến 1,5%.

Về nhập khẩu, khối lượng nhập khẩu lớn nhất là từ các nước: Nga 30,6%, Đức 9,5%, Turmenistan 7,8%, Trung Quốc 5,1%, Balan 4,7%, Italia 3,3%, Belarus 2,8%.

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu khá ổn định: các nhóm hàng hóa chủ yếu vẫn là nhiên liệu, dầu khí và các sản phẩm dầu mỏ, sản phẩm công nghiệp hóa chất và chế tạo máy.

**Nhập khẩu thiết bị xây dựng, sản phẩm kim loại, sản phẩm khoáng sản so cùng kỳ năm trước (%)**



Kinh tế Ucraina phát triển không chỉ do xuất khẩu mà còn nhờ sự tăng trưởng ngày càng cao của các nhu cầu về thanh toán trong nước. Điều này được chứng tỏ bằng việc tăng đều đặn nhập khẩu các hàng tiêu dùng có chất lượng. Những năm gần đây Ucraina có nhu cầu nhập khẩu rất lớn ô tô du lịch, đồ kỹ thuật gia dụng loại lớn, hàng điện tử, quần áo và giày chất lượng cao. Công nghiệp nội địa hiện chưa đáp ứng được nhu cầu này. Nhu cầu nội địa đã trở thành yếu tố quyết định trong việc hình thành nhập khẩu từ năm 2003 và ảnh hưởng này không ngừng tăng lên.

Nền kinh tế Ucraina đang có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng cung ứng các hàng hóa nội địa có chất lượng cho thị trường trong nước nhằm giảm nhập khẩu. Khuynh hướng này giúp cho kinh tế Ucraina có tính hấp dẫn đầu tư cao.

Về xuất nhập khẩu dịch vụ, trong năm 2006 Ucraina có giao dịch với 209 nước. Theo Ủy ban thống kê quốc gia, xuất khẩu dịch vụ trong năm 2006 đạt 7.505 triệu USD, tăng 22,3% so với năm 2005. Nhập khẩu dịch vụ là 3812,4 triệu USD, tăng 29,8% so với năm 2005.

Khối lượng xuất khẩu dịch vụ tăng chủ yếu do tăng xuất khẩu dịch vụ vận chuyển, tăng 19,5% hay 874,5 triệu USD, dịch vụ về giao dịch thương mại, nghề nghiệp và kỹ thuật các loại tăng 45% hay 262,9 triệu USD, dịch vụ tin học 2,5 lần hay 52,2 triệu USD.

Nhập khẩu dịch vụ tăng chủ yếu do tăng nhập khẩu dịch vụ lữ hành tăng 1,5 lần hay 76,7 triệu USD, các dịch vụ về giao dịch thương mại, nghề nghiệp và kỹ thuật tăng 1,5 lần hay 234,1 triệu USD, dịch vụ tài chính tăng 2 lần hay 265,4 triệu USD.

#### **D. Du lịch**

\* ***Du lịch đến Ucraina*** : Ucraina là một nước đầy tiềm năng về du lịch: có cảng biển Odessa, Nicolaiev, nơi nghỉ mát Crum và nhiều vùng biển khác, có nhiều thành phố du lịch, di tích lịch sử, cảnh quan thế giới... Năm 2005, doanh thu toàn ngành du lịch đạt 65 triệu USD. Năm 2006, thu lời từ ngành du lịch đạt 73 triệu USD.



Du lịch Ucraina thu hút khách vào mùa hè và mùa thu. Ucraina có khoảng 1.300 khách sạn, 2000 nhà nghỉ an dưỡng. Chất lượng phục vụ và tiện nghi của các khách sạn ở đây còn thấp so với tiêu chuẩn của người phương Tây.

Chủ trương của Chính phủ xây dựng chính sách, đổi mới cơ chế, để đẩy mạnh ngành du lịch thực sự thu hút khách và có hiệu quả (2010-2030).

#### **\* *Người Ucraina đi du lịch các nước khác:***

Với dân số trên 46 triệu người, mức sống ở bậc trung, Ucraina tiến tới sẽ là một thị trường phát triển công nghiệp du lịch. Từ năm 1999 trung bình hàng năm kinh tế Ucraina tăng trưởng từ 4% đến 12% (chủ yếu là ở thành phố) vì vậy có một bộ phận dân số có nhu cầu trích một phần thu nhập của mình để đi du lịch. Từ năm 1997 ngành du lịch của Ucraina phát triển từ 4% đến 13%.



Khoảng 16 triệu người Ucraina hàng năm đi du lịch vòng quanh thế giới. Chính phủ Ucraina đã cấp giấy phép cho khoảng 3.700 công ty du lịch. Theo số liệu thống kê người dân Ucraina chủ yếu chi hàng nghìn đô la để đi du lịch tại các nước Đông Nam Á, Nam phi, Kenya.

*Khách du lịch có thể tìm thông tin du lịch qua các địa chỉ:*

<http://www.tourism.gov.ua>: Bộ Văn hoá và du lịch

*Danh lam thắng cảnh Ucraina và thông tin du lịch :*

<http://www.mykiev.info>

<http://www.interesniy.kiev.ua/>



*Nhà thờ Boricoglob tại  
Chernihiv (1120-1123 năm)*



*Cổng Vàng tại Thành Kiev cổ*

## V. QUAN HỆ HỢP TÁC SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ UCRAINA

## **1. Quan hệ chính trị:**

Hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/01/1992.



*Từ đó đến nay hai bên đã trao đổi nhiều đoàn ngoại giao cấp cao:*

- Tháng 10/1993, BTNG Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm thăm Ucraina;
- Tháng 4/1994, BTNG Ucraina Zlenko thăm Việt Nam;
- Tháng 6/1994, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt thăm Ucraina;
- Tháng 4/1996, Tổng thống Ucraina Kuchma thăm Việt Nam. Hai bên đã ký kết Hiệp ước về những nguyên tắc quan hệ và hợp tác giữa CHXHCN Việt Nam và Ucraina;
- Tháng 4/2000, Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Ucraina. Hai bên ký Tuyên bố chung;
- Tháng 1/2003, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Văn An thăm chính thức Ucraina. Sau đó hai Quốc hội đã lập nhóm nghị sỹ hữu nghị.

Ngoài ra, hai bên thúc đẩy và khuyến khích hợp tác giữa các địa phương, trong đó có Thỏa thuận hợp tác giữa TP Hà Nội và Kiev, TP Hồ Chí Minh và Kharcov, Khánh Hòa và Kharcov, Feodosia và Hải Phòng.

## **2. Các văn bản được ký kết giữa hai Chính phủ:**

Sau khi Ucraina tuyên bố độc lập (năm 1991), hai nhà nước đã thiết lập các cơ sở pháp lý quốc tế để tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế-thương mại và hợp tác KHKT truyền thống từ thời Liên bang Xô viết. Hai nước đã ký tổng cộng 32 văn bản hợp tác, trong đó có:



**\* *Nghị định thư về thiết lập quan hệ ngoại giao giữa CHXHCN Việt Nam và Ucraina*** ký ngày 23/1/1992 tại Kiev, thiết lập quan hệ ngoại giao và trao đổi cơ quan đại diện ngoại giao cấp đại sứ quán.

**\* *Hiệp ước về những nguyên tắc quan hệ và hợp tác giữa CHXHCN Việt Nam và Ucraina*** ký ngày 08/4/1996 tại Hà Nội, thỏa thuận phát triển hợp tác về lĩnh vực kinh tế - thương mại, khuyến khích và bảo hộ đầu tư, bảo vệ và cải thiện tình hình môi trường, giao thông vận tải, khoa học, nghệ thuật, văn học, giáo dục, y tế, thông tin đại chúng, điện ảnh, du lịch, thể thao, chống tội phạm trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng, không dùng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực, giải quyết hoà bình các tranh chấp, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

**\* *Hiệp định về quan hệ kinh tế - thương mại giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina*** ký ngày 23/01/1992 tại Kiev, thỏa thuận phát triển không ngừng mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa 2 nước, hai bên giành cho nhau quy chế tối huệ quốc về lĩnh vực thương mại, hải quan, thuế nhập khẩu, các khoản phí và thanh toán khác.

**\* *Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina về việc thành lập Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Ucraina về hợp tác kinh tế - thương mại và KHKT***, ký ngày 17/11/1993 tại Hà Nội, thỏa thuận về chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cũng như từng phân ban mỗi nước.

**\* *Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina*** về điều kiện đi lại miễn thị thực lẫn nhau, ký ngày 08/6/1994 tại Kiev, thỏa thuận về miễn thị thực nhập cảnh, đối với công dân của nước này sang nước kia khi mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ (còn giá trị sử dụng).

Riêng đối với hộ chiếu phổ thông, hiện nay hai bên đang áp dụng chế độ Visa.

**\* *Hiệp định lãnh sự giữa CHXHCN Việt Nam và Ucraina*** ký ngày 08/4/1996 tại Hà Nội. Hai bên thỏa thuận những điều khoản rộng hơn để điều chỉnh quan hệ lãnh sự nhằm bổ sung Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự mà hai bên ký kết đều là thành viên.

**\* *Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina về hợp tác khoa học - công nghệ***, ký ngày 8/4/1996 tại Hà nội. Hai Bên thoả thuận tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác cùng có lợi giữa hai nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nhằm nhanh chóng đạt

được những kết quả tương ứng với trình độ phát triển khoa học và kỹ thuật quốc tế.

**\* Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina về hợp tác văn hoá, giáo dục và khoa học**, ký ngày 8/6/1994 tại Kiev. Hai bên thoả thuận phát triển quan hệ trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, khoa học và thể thao giữa hai nước, các tổ chức địa phương, các tổ chức và cơ quan hữu quan, cũng như mọi công dân nhằm làm phong phú nền văn hoá của hai dân tộc.

**\* Hiệp định hợp tác du lịch giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina**, ký ngày 6/4/2000 tại Kiev. Hai Bên thoả thuận các biện pháp nhằm tăng cường giao lưu du lịch giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, như hỗ trợ thiết lập quan hệ kinh doanh giữa các Hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam và Ucraina trong việc triển khai các hoạt động chung có liên quan đến du lịch.

**\* Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ucraina về hợp tác trong lĩnh vực bưu chính viễn thông**, ký ngày 20/7/1992 tại Kiev. Hai bên



thoả thuận tạo điều kiện để phát triển hài hoà và hợp tác trong lĩnh vực bưu điện trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng và cùng có lợi, như hoàn thiện các quá trình công nghệ trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ bưu điện giữa hai nước.

### **3. Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại:**

Tuy kim ngạch buôn bán giữa hai nước còn khiêm tốn so với tiềm năng và mong muốn của hai bên, nhưng những hàng hoá trao đổi là cần thiết cho mỗi nước và trên đà tăng trưởng trong những năm gần đây.

### ***Kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Ucraina từ 2001-2007***

*Đơn vị tính : Triệu USD*

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Tổng kim ngạch XNK	111,0	230,0	236,8	201,8	220	143	149,78
Việt Nam xuất khẩu sang Ucraina	30,6	36	39,3	41,3	45	55	
Việt Nam nhập khẩu từ Ucraina	80,4	194	197,5	160,5	175	88	66,96
Chênh lệch XK/NK	- 49,8	- 158	-158,2	-119,2	-135	-33	-15,86

Về hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Ucraina gồm: gạo, cao su, hàng dệt may.

Về hàng nhập khẩu từ Ucraina: Hàng năm, Ucraina xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là sắt thép, phân bón, máy móc thiết bị, ô tô chuyên dùng, các loại hoá chất.

#### **4. Tình hình thị trường một số mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam – Ucraina:**

##### ***\* Xuất khẩu :***



- Gạo: Mặt hàng lương thực Ucraina nhập khẩu hàng năm khoảng 170 ngàn tấn từ các nước Ảrập, Ấn Độ, Việt Nam. Những năm trước đây gạo Việt Nam chiếm 1/3 thị phần tại Ucraina, với số lượng xuất khẩu khoảng 40-50 nghìn tấn.

- Cao su: Là mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam sang Ucraina. Năm 2002 đã xuất được 13 nghìn tấn sang thị trường này. Từ năm 2004, do giá trong nước tăng cao và khan hiếm về khối lượng hàng cung

cấp, mặt khác việc xuất khẩu cao su sang Trung Quốc có nhiều thuận lợi hơn, nên lượng cao su xuất sang Ucraina chỉ đạt khoảng 2.000 tấn.

- Hàng may mặc: Là nhóm hàng xuất khẩu của ta có trị giá lớn nhất. Tuy nhiên chất lượng hàng và mẫu mã ít được cải tiến, nên khả năng cạnh tranh hàng của ta thua kém hàng cùng loại của các nước khác.

- Giày dép: Hàng được xuất sang Ucraina chủ yếu là loại dép đi biển mang tính thời vụ. Hàng giày da và hàng thể thao của ta chưa vào được thị trường Ucraina với khối lượng lớn do chất lượng, mẫu mã, giá cả khó cạnh tranh. Trong lúc đó, các mặt hàng tương tự của các nước liên tục cải tiến mẫu mã, chất lượng và giá chào bán thấp hơn. Chính vì vậy việc tiêu thụ giày, dép của ta tại thị trường này đang bị giảm sút.

- Thủy hải sản:

Xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang thị trường Ucraina đã tăng đột biến trong thời gian gần đây, đặc biệt là số lượng cá tra và cá basa góp phần tăng trị giá xuất khẩu hàng hóa vào thị trường này.



### **\* Nhập khẩu:**

Các mặt hàng nhập khẩu từ Ucraina chủ yếu là: nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng, phân bón, sắt thép, thiết bị điện... Gần đây khối lượng nhập khẩu sắt thép, phân bón có giảm hơn so với những năm trước, do lượng sắt thép của Trung Quốc tràn vào thị trường Việt Nam với giá cả thấp hơn, cước vận tải hạ hơn, thời gian cung cấp hàng hóa nhanh hơn.

## 5. Hợp tác trong lĩnh vực đầu tư:



Hai nước đã ký Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

### *a. Đầu tư của Việt Nam tại Ucraina:*

Đầu tư của Việt Nam vào Ucraina chủ yếu do Tập đoàn “Technocom” thực hiện, giúp đóng góp cho ngân sách địa phương tỉnh và giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động tại địa phương.



Hiện nay, chỉ các doanh nghiệp Việt Nam làm ăn sinh sống tại Ucraina đầu tư trực tiếp vào thị trường này. Số lượng xí nghiệp đầu tư khoảng 30, trong đó có 16 xí nghiệp liên doanh (XNLD). Tổng số vốn đầu tư trên 27,0 triệu USD,

trong đó vốn của các XNLD khoảng 5,0 triệu USD. Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là sản xuất mì ăn liền, gia vị, bao bì...

### ***b. Đầu tư của Ucraina tại Việt Nam:***

Ucraina có 5 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn khoảng 23 triệu USD. 3 xí nghiệp liên doanh đang tồn tại và phát triển: XNLD vận tải biển Bông Sen (Lotus) với số vốn 19,6 triệu USD, trong đó bên Việt Nam góp 38,6 %, XNLD chế tạo thiết kế thi công trạm điện nhỏ (Vinaturbo) với số vốn đầu tư 1,2 triệu USD và hợp tác trong lĩnh vực lắp ráp xe Kraz tại Quảng Ninh.

### **6. Hợp tác trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ:**

Về hợp tác du lịch Ucraina - Việt Nam, còn nhiều hạn chế có thể do điều kiện đi lại khó khăn, người dân chưa hiểu được thiên nhiên mỗi nước, triển vọng sẽ được phát triển trong những năm gần đây.

### **7. Hợp tác trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật:**

- Về hợp tác khoa học và công nghệ: giữa Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam -Viện Hàn lâm khoa học Ucraina đã ký thoả thuận thành lập “Trung tâm chuyển giao công nghệ cao” (tháng 6 năm 2004). Với sự tích cực của hai bên, những năm gần đây đã đạt được một số kết quả nhất định.

- Hợp tác kỹ thuật quân sự cũng được triển khai, Việt Nam đã mua thiết bị kỹ thuật của BẠN và gửi học viên quân sự sang đào tạo.

- Viện sĩ, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina (NANU) B.Patôn, kiêm Chủ tịch Viện Hàn lâm Quốc tế về công nghệ thăm dò dư luận và xã hội học (MAPTIC) đã ký thoả thuận với Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Giáo sư, Tiến sĩ Đặng Vũ Minh về hợp tác khoa học và công nghệ giữa hai nước. Hàng năm hai bên thường xuyên viếng thăm, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm.

- Về lĩnh vực khoa học xã hội giữa Việt Nam và Ucraina: Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Hoài Nam, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam cùng Viện sĩ, B.Patôn, Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học Ucraina đã ký thoả thuận hợp tác giữa hai nước (tháng 8/2005).

### **8. Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:**

Việt Nam và Ucraina có quan hệ truyền thống trong hợp tác đào tạo cán bộ KHKT. Sau khi Liên Xô tan rã, Ucraina và Việt Nam vẫn có Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và KHKT. Từ năm 1994, hai bộ GD-



ĐT Việt Nam và GD-KH Ucraina đã ký Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và đã được gia hạn hai lần đến năm 2008 và có thể gia hạn tiếp.

Hiện nay, ở Ucraina lưu học sinh Việt Nam theo học tại 26 trường theo các hình thức khác nhau: Hiệp định giữa 2 nước, đào tạo bằng ngân sách của Việt Nam; do các địa phương, các ngành hoặc cá nhân gửi học tự túc.

Ucraina có 961 cơ sở đào tạo từ bậc đại học, đào tạo 500 ngành nghề. Thế mạnh trong đào tạo của Ucraina là hàng không, đóng tàu, hàng hải, y học, luyện kim, khai thác mỏ, điện lực, quan hệ quốc tế...

Các trường có uy tín và đào tạo có chất lượng cao là: Đại học Bách khoa Kiev, Đại học Bách khoa Kharcov, Đại học Tổng hợp Kiev mang tên Shevchenko, Đại học Tổng hợp Kharcov, Đại học Hàng không Kiev, Đại học Hàng hải Odessa, Đại học Y khoa Kiev, Đại học Xây dựng Kiev, Đại học Xây dựng Kharcov, Đại học Bách khoa Odessa...

Ngoài ra, giữa hai nước cũng đã có hiệp định công nhận bằng cấp tương đương (ký tháng 8/2005).

- Năm học 2007 - 2008, có khoảng trên 900 sinh viên và nghiên cứu sinh du học tại Ucraina (tính cả sinh viên sang du học bằng kinh phí tự túc), hầu hết tập trung tại các thành phố lớn như: Kiev, Odessa, Kharcov, Lvov và gồm nhiều chuyên ngành khác nhau...

## PHỤ LỤC

### CÁC ĐỊA CHỈ CẦN THIẾT

I	CÁC BỘ NGÀNH	
1	Ministry of the Cabinet of Ministers <b>Міністерство Кабінету Міністрів</b> Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng	<a href="http://www.kmu.gov.ua">http://www.kmu.gov.ua</a>
2	Ministry of Education and Science <b>Міністерство освіти і науки</b> Bộ Giáo dục và Khoa học	<a href="http://www.mon.gov.ua">http://www.mon.gov.ua</a>
3	Ministry of Transport and Communications <b>Міністерство транспорту і зв'язку</b> Bộ Giao thông vận tải	<a href="http://www.mintrans.gov.ua">http://www.mintrans.gov.ua</a>
4	Міністерство культури і туризму України <b>Ministry of Culture and Tourism of Ukraine</b> Bộ Văn hóa và du lịch	<a href="http://mincult.kmu.gov.ua">http://mincult.kmu.gov.ua</a>
5	Ministry of Economy <b>Міністерство економіки</b> Bộ Kinh tế	<a href="http://www.me.gov.ua">http://www.me.gov.ua</a>
6	Ministry of Labor and Social Policy <b>Міністерство праці та соціальної політики</b> Bộ Lao động và xã hội	<a href="http://www.mlsp.gov.ua">http://www.mlsp.gov.ua</a>
7	Ministry of Defence of Ukraine <b>Міністерство оборони України</b> Bộ Quốc phòng	<a href="http://www.mil.gov.ua">http://www.mil.gov.ua</a>
8	Ministry of Health <b>Міністерство охорони здоров'я</b> Bộ Y tế	<a href="http://www.moz.gov.ua">http://www.moz.gov.ua</a>

9	Ministry for Regional Development and Building <b>Міністерство регіонального розвитку і будівництва</b> <i>Bộ phát triển và xây dựng đô thị</i>	<a href="http://www.minregionbud.gov.ua">http://www.minregionbud.gov.ua</a>
10	Ministry of Housing and Communal Services <b>Міністерство з питань житлово-комунального господарства</b> <i>Bộ nhà ở và dịch vụ công cộng</i>	<a href="http://www.minjkg.gov.ua">http://www.minjkg.gov.ua</a>
11	Ministry of Internal Affairs <b>Міністр внутрішніх справ</b> <i>Bộ Nội vụ</i>	<a href="http://mvs.gov.ua">http://mvs.gov.ua</a>
12	Ministry of Agrarian Policy <b>Міністерство аграрної політики</b> <i>Bộ Chính sách Nông nghiệp</i>	<a href="http://www.minagro.kiev.ua">http://www.minagro.kiev.ua</a>
13	Ministry of Industrial Policy <b>Міністерство промислової політики</b> <i>Bộ Chính sách Công nghiệp</i>	<a href="http://www.industry.com.ua">http://www.industry.com.ua</a>
14	Minister of Justice of Ukraine <b>Міністр юстиції України</b> <i>Bộ Tư pháp</i>	<a href="http://www.minjust.gov.ua">http://www.minjust.gov.ua</a>
15	Minister for Family, Youth and Sport of Ukraine <b>Міністр у справах сім'ї, молоді і спорту</b> <i>Bộ Gia đình, thanh niên và thể thao</i>	<a href="http://www.kmu.gov.ua/sport/">http://www.kmu.gov.ua/sport/</a>
16	Minister for Foreign Affairs of Ukraine <b>Міністр закордонних справ України</b> <i>Bộ Ngoại giao</i>	<a href="http://www.mfa.gov.ua">http://www.mfa.gov.ua</a>
17	Ministry of Finance <b>Міністерство фінансів</b> <i>Bộ Tài chính</i>	<a href="http://www.minfin.gov.ua">http://www.minfin.gov.ua</a>

18	Minister of Coal Industry <b>Міністр вугільної промисловості</b> <i>Bộ Công nghiệp than</i>	<a href="http://www.mvp.gov.ua">http://www.mvp.gov.ua</a>
19	Minister of Environmental Protection <b>Міністр охорони навколишнього природного середовища</b> <i>Bộ Bảo vệ tài nguyên môi trường</i>	<a href="http://www.menr.gov.ua">http://www.menr.gov.ua</a>
20	Minister of Fuel and Energy of Ukraine <b>Міністр палива та енергетики України</b> <i>Bộ Dầu khí và năng lượng</i>	<a href="http://mpe.kmu.gov.ua">http://mpe.kmu.gov.ua</a>
21	Minister of Emergencies and Affairs of Population Protection from the Consequences of Chornobyl Catastrophe of Ukraine  <b>Міністр з питань надзвичайних ситуацій та у справах захисту населення від наслідків Чорнобильської катастрофи</b>  <i>Bộ Tình trạng khẩn cấp và giải quyết các đề liên quan đến con người do ảnh hưởng của hậu quả Chernobul</i>	<a href="http://www.mns.gov.ua">www.mns.gov.ua</a>
II	<b>SỨ QUÁN</b>	
	ПОСОЛЬСТВО СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ В УКРАИНЕ Địa chỉ : 01103, Thành phố Kiev, Phố Tavarna -51-A Украина, 01103, г. Киев, вул. товарна, 51.А . Email: dsq@dsqvn.kiev.ua	
	+ Văn phòng : - Tel/Fax (380-44) 284-57-39.	
	+ Thư ký: -Tel: ( 380-44 ) 284-57-40; Fax: (380-44) 284-55-42.	
	+ Thương vụ : Тел.факс: (380-44) 284-56-38- ( 380-44 ) 284-56-39, - E-mail: ua@mot.gov.vn	
	+ Lãnh sự : Tel/Fax: (380-44) 284-55-43; (380-44) 284-57-38.	
III	<b>DANH MỤC CÁC NHÀ XUẤT NHẬP KHẨU UCRAINA</b>	<a href="http://www.eximbase.com">www.eximbase.com</a>
IV	<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN UCRAINA</b>	<a href="mailto:dmsu@customs.gov.ua">&lt;dmsu@customs.gov.ua&gt;</a>
V	<b>* Trung tâm XTТM Việt Nam tại Kharkov</b>	
	Địa chỉ: 61105, Thành phố Kharkov, Ucraina. Nhà số 45 phố Gerôiev Stalingrada. - Tel./fax: (380 -577) 13-62-10 – ( 380 -577 ) 13 -62-29	

